Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 14.02.2019 09:32:31 +07:00

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 110/2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 94/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước; chế độ công bố thông tin và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ;

b) Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;

c) Chủ sở hữu công cụ nợ tham gia mua lại, hoán đổi và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc mua lại, hoán đổi công cụ nợ.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Ngoài các thuật ngữ đã được giải thích tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 95/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 94/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 về nghiệp vụ quản lý nợ công (sau đây gọi tắt là Nghị định số 94/2018/NĐ-CP), trong Thông tư này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. "Công cụ nợ" bao gồm:

a) Công cụ nợ của Chính phủ;

b) Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành;

c) Trái phiếu chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành.

2. "Chủ thể tổ chức phát hành" bao gồm:

a) Kho bạc Nhà nước đối với phát hành công cụ nợ của Chính phủ;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với phát hành trái phiếu chính quyền địa phương;

c) Ngân hàng chính sách đối với phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

3. *"Chủ sở hữu công cụ nợ"* là tổ chức, cá nhân nắm giữ công cụ nợ.

4. *"Lãi suất danh nghĩa của công cụ nợ"* là tỷ lệ phần trăm (%) lãi hàng năm tính trên mệnh giá mà chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ phải thanh toán cho chủ sở hữu theo các điều kiện, điều khoản phát hành công cụ nợ.

5. "*Kỳ hạn còn lại*" là thời gian thực tế tính từ ngày mua lại công cụ nợ, ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày công cụ nợ đáo hạn.

6. *"Ngày tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ"* là:

a) Ngày chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận và ký hợp đồng mua lại, hoán đổi công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận;

b) Ngày chủ thể tổ chức phát hành tổ chức đấu thầu mua lại, đấu thầu hoán đổi công cụ nợ theo phương thức đấu thầu.

7. *"Mua lại công cụ nợ"* là việc chủ thể tổ chức phát hành mua lại công cụ nợ trước ngày đáo hạn.

8. *"Bán lại công cụ nợ"* là việc chủ sở hữu bán lại công cụ nợ cho chủ thể tổ chức phát hành trước ngày đáo hạn.

9. "Ngày mua lại công cụ nợ" là ngày chủ thể tổ chức phát hành thanh toán tiền mua lại công cụ nợ cho chủ sở hữu.

10. *"Lãi suất mua lại công cụ nợ"* là lãi suất trúng thầu hoặc lãi suất thỏa thuận do chủ thể tổ chức phát hành quyết định trên cơ sở kết quả đấu thầu hoặc kết quả thỏa thuận mua lại công cụ nợ theo quy định tại Thông tư này.

11. *"Hoán đổi công cụ nợ*" là việc cùng mua, cùng bán hai (02) mã công cụ nợ khác nhau của cùng một chủ thể tổ chức phát hành tại cùng một thời điểm với mục tiêu quản lý danh mục nợ.

12. "*Công cụ nợ bị hoán đổi*" là loại công cụ nợ đang lưu hành được lựa chọn để hoán đổi với công cụ nợ được hoán đổi.

13. "*Công cụ nợ được hoán đổi*" là công cụ nợ phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung được lựa chọn để hoán đổi cho các loại công cụ nợ bị hoán đổi.

14. "*Ngày hoán đổi công cụ nợ*" là ngày phát hành công cụ nợ được hoán đổi để hoán đổi cho công cụ nợ bị hoán đổi.

15. "*Lãi suất hoán đổi công cụ nợ*" là lãi suất chiết khấu dùng làm căn cứ để xác định giá công cụ nợ bị hoán đổi, giá công cụ nợ được hoán đổi.

Điều 3. Lãi suất mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Bộ Tài chính quyết định khung lãi suất mua lại, khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ trong từng thời kỳ hoặc cho từng đợt mua lại, hoán đổi.

2. Căn cứ vào khung lãi suất mua lại công cụ nợ, khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ quy định tại Khoản 1 Điều này, chủ thể tổ chức phát hành quyết định lãi suất mua lại đối với từng đợt mua lại, quyết định lãi suất hoán đổi đối với từng đợt hoán đổi.

Điều 4. Nguyên tắc mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Việc mua lại, hoán đổi công cụ nợ phải thực hiện theo đề án hoặc phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về phát hành công cụ nợ, cụ thể như sau:

a) Đối với công cụ nợ của Chính phủ, thực hiện theo đề án mua lại, hoán đổi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định tại Khoản 1 Điều 24, Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP;

b) Đối với trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, thực hiện theo phương án mua lại, hoán đổi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định tại Khoản 7 Điều 49 Nghị định số 91/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

c) Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, thực hiện theo phương án mua lại, hoán đổi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 8 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

2. Đảm bảo theo giá thị trường tại thời điểm thực hiện; công khai, minh bạch trong tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ.

3. Tuân thủ quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phương thức mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Việc mua lại, hoán đổi công cụ nợ được thực hiện theo một (01) trong hai (02) phương thức sau:

a) Thỏa thuận trực tiếp với các chủ sở hữu công cụ nợ;

b) Đấu thầu qua Sở Giao dịch chứng khoán. Kho bạc Nhà nước có thể trực tiếp tổ chức đấu thầu mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ quyết định phương thức mua lại, hoán đổi theo đề án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thông báo cụ thể phương thức mua lại, hoán đổi công cụ nợ trước khi tổ chức thực hiện.

Điều 6. Điều kiện đối với công cụ nợ được mua lại, được hoán đổi, bị hoán đổi

1. Đối với công cụ nợ được mua lại

a) Là công cụ nợ chưa đến ngày đáo hạn;

b) Không bị ràng buộc trong các quan hệ về giao dịch đảm bảo từ thời điểm đăng ký tham gia bán lại công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận hoặc từ ngày tổ chức đấu thầu mua lại công cụ nợ.

2. Đối với công cụ nợ được hoán đổi

a) Trường hợp phát hành bổ sung phải đảm bảo công cụ nợ có điều kiện, điều khoản như điều kiện, điều khoản của công cụ nợ đang lưu hành;

b) Trường hợp công cụ nợ phát hành lần đầu tiên thì điều kiện, điều khoản của công cụ nợ do chủ thể tổ chức phát hành quyết định.

3. Đối với công cụ nợ bị hoán đổi, đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương II
TỔ CHỨC MUA LẠI CÔNG CỤ NỢ

Mục 1
MUA LẠI CÔNG CỤ NỢ THEO PHƯƠNG THỨC THỎA THUẬN

Điều 7. Các bước mua lại công cụ nợ đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức mua lại, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin về đợt mua lại công cụ nợ trên trang điện tử của chủ thể tổ chức phát hành, Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Nội dung thông báo gồm:

a) Điều khoản của công cụ nợ dự kiến được mua lại, bao gồm: mã, quy mô của mã, ngày phát hành lần đầu, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc, lãi;

b) Khối lượng công cụ nợ dự kiến mua lại đối với từng mã;

c) Ngày cuối cùng chủ sở hữu công cụ nợ hoặc tổ chức được chủ sở hữu công cụ nợ ủy quyền thực hiện đăng ký tham gia bán lại, đảm bảo tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức mua lại;

d) Ngày Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa công cụ nợ trên tài khoản lưu ký của chủ sở hữu đã đăng ký tham gia bán lại, đảm bảo tối thiểu là hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức mua lại;

đ) Ngày tổ chức mua lại và ngày mua lại dự kiến.

2. Căn cứ thông báo về đợt mua lại công cụ nợ quy định tại Khoản 1 Điều này, chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền thực hiện đăng ký bán lại công cụ nợ với chủ thể tổ chức phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này. Các đơn đăng ký bán lại nộp sau ngày đăng ký bán lại cuối cùng là không hợp lệ.

3. Sau ngày cuối cùng đăng ký bán lại công cụ nợ, căn cứ thông tin đăng ký bán lại, chủ thể tổ chức phát hành thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam để phong tỏa số công cụ nợ đăng ký bán lại theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa số công cụ nợ đăng ký bán lại của chủ sở hữu và thông báo cho chủ thể tổ chức phát hành về việc phong tỏa.

4. Vào ngày tổ chức mua lại, căn cứ thông tin đăng ký bán lại của chủ sở hữu, thông báo phong tỏa công cụ nợ đăng ký bán lại của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, chủ thể tổ chức phát hành thực hiện thỏa thuận, thống nhất với các chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền về điều khoản mua lại công cụ nợ. Nội dung thỏa thuận gồm:

a) Khối lượng công cụ nợ mua lại đối với mỗi mã;

b) Mức lãi suất mua lại đối với mỗi mã công cụ nợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

c) Ngày mua lại;

d) Giá một công cụ nợ mua lại xác định theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

đ) Tổng số tiền mua lại công cụ nợ được xác định bằng số lượng công cụ nợ mua lại nhân với giá mua một (01) công cụ nợ.

5. Trên cơ sở kết quả thỏa thuận, trong ngày tổ chức mua lại chủ thể tổ chức phát hành và chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền ký hợp đồng về việc mua lại theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này.

6. Chậm nhất một (01) ngày làm việc sau ngày tổ chức mua lại, chủ thể tổ chức phát hành thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán kết quả thỏa thuận mua lại theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này. Căn cứ thông báo của chủ thể tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng

khoán Việt Nam tiếp tục phong tỏa đối với công cụ nợ đã ký hợp đồng mua lại và ngừng phong tỏa đối với công cụ nợ không được mua lại.

7. Vào ngày mua lại công cụ nợ theo hợp đồng đã ký với chủ sở hữu, chủ thể tổ chức phát hành chuyển tiền mua lại công cụ nợ cho chủ sở hữu công cụ nợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Thông tư này.

8. Việc hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký công cụ nợ được mua lại thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

9. Kết thúc đợt mua lại, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin về kết quả mua lại công cụ nợ theo quy định tại Điều 27 Thông tư này.

Điều 8. Các bước mua lại công cụ nợ không đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Căn cứ đề án, phương án mua lại công cụ nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận, thống nhất với các chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền về điều khoản mua lại công cụ nợ. Nội dung thỏa thuận gồm:

a) Khối lượng công cụ nợ mua lại;

b) Mức lãi suất mua lại theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

c) Ngày mua lại;

d) Giá một công cụ nợ mua lại;

đ) Tổng số tiền mua lại công cụ nợ.

2. Trên cơ sở kết quả thỏa thuận, chủ thể tổ chức phát hành và chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền ký hợp đồng về việc mua lại theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này.

3. Vào ngày mua lại công cụ nợ theo hợp đồng đã ký với chủ sở hữu, chủ thể tổ chức phát hành chuyển tiền mua lại công cụ nợ cho chủ sở hữu công cụ nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Thông tư này.

Mục 2
MUA LẠI CÔNG CỤ NỢ THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU

Điều 9. Nguyên tắc đấu thầu, hình thức đấu thầu và phương thức xác định kết quả trúng thầu

1. Nguyên tắc đấu thầu

a) Bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các nhà tạo lập thị trường theo đúng quy định của pháp luật;

b) Bảo mật mọi thông tin dự thầu của nhà tạo lập thị trường.

2. Hình thức đấu thầu

Đấu thầu mua lại công cụ nợ được thực hiện theo một (01) trong hai (02) hình thức, gồm:

a) Đấu thầu cạnh tranh lãi suất;

b) Đấu thầu kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất.

Trường hợp đợt đấu thầu được tổ chức theo hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất thì tổng khối lượng công cụ nợ mua lại từ nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất đảm bảo không vượt quá 30% tổng khối lượng công cụ nợ gói thầu mua lại trong phiên đấu thầu.

3. Phương thức xác định kết quả trúng thầu

Kết quả trúng thầu công cụ nợ được xác định theo một (01) trong hai (02) phương thức sau:

a) Đơn giá;

b) Đa giá.

4. Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ thông báo cụ thể về hình thức đấu thầu, phương thức xác định kết quả trúng thầu đối với mỗi đợt đấu thầu mua lại công cụ nợ.

Điều 10. Đối tượng được tham gia đấu thầu mua lại công cụ nợ

1. Là nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ theo thông báo hàng năm của Bộ Tài chính.

2. Nhà tạo lập thị trường bán lại công cụ nợ thuộc sở hữu của mình hoặc bán lại công cụ nợ của khách hàng theo ủy quyền của chủ sở hữu công cụ nợ.

Điều 11. Các bước đấu thầu mua lại công cụ nợ

1. Tối thiểu bốn (04) ngày làm việc trước ngày tổ chức mua lại, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin trên trang điện tử của chủ thể tổ chức phát hành và đề nghị Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo cho các nhà tạo lập thị trường và công bố thông tin trên trang điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Mã công cụ nợ tổ chức mua lại;

b) Quy mô của mã, ngày phát hành lần đầu, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc, lãi công cụ nợ;

c) Khối lượng công cụ nợ dự kiến mua lại đối với từng mã;

d) Ngày tổ chức mua lại và ngày mua lại công cụ nợ;

đ) Hình thức đấu thầu, phương thức xác định kết quả đấu thầu.

2. Chậm nhất vào 10 giờ 30 phút ngày tổ chức mua lại, nhà tạo lập thị trường gửi Sở Giao dịch chứng khoán thông tin dự thầu theo mẫu đăng ký dự thầu do Sở Giao dịch chứng khoán quy định. Mỗi nhà tạo lập thị trường và mỗi khách hàng của nhà tạo lập thị trường dự thầu cạnh tranh lãi suất được phép đặt tối đa năm (05) mức dự thầu đối với mỗi mã công cụ nợ gọi thầu. Mỗi mức đặt thầu bao gồm lãi suất dự thầu (tính đến 2 chữ số thập phân) và khối lượng công cụ nợ dự thầu tương ứng. Đối với trường hợp đấu thầu cho khách hàng, nhà tạo lập thị trường phải cung cấp đầy đủ tên khách hàng, mức lãi suất và khối lượng dự thầu tương ứng của mỗi khách hàng.

3. Chậm nhất mười lăm (15) phút sau thời gian đăng ký dự thầu cuối cùng quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Giao dịch chứng khoán mở thầu, tổng hợp thông tin dự thầu và gửi cho chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ.

4. Căn cứ thông tin dự thầu tổng hợp nhận từ Sở Giao dịch chứng khoán, chủ thể tổ chức phát hành xác định mức lãi suất mua lại đối với mỗi mã gọi thầu và thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán để xác định kết quả đấu thầu công cụ nợ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

5. Kết thúc phiên đấu thầu mua lại, Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả đấu thầu cho nhà tạo lập thị trường bằng dữ liệu điện tử thông qua hệ thống đấu thầu điện tử và thông báo cho chủ thể tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này.

6. Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa công cụ nợ đã trúng thầu mua lại.

7. Vào ngày mua lại, chủ thể tổ chức phát hành thực hiện chuyển tiền mua lại công cụ nợ theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

8. Việc hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký công cụ nợ thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

9. Kết thúc đợt mua lại, các đơn vị thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 27 Thông tư này.

Điều 12. Xác định kết quả đấu thầu

1. Việc xác định lãi suất trúng thầu, khối lượng trúng thầu và giá mua lại công cụ nợ được căn cứ vào các yếu tố sau:

a) Khối lượng công cụ nợ gọi thầu mua lại;

b) Lãi suất và khối lượng công cụ nợ dự thầu mua lại;

c) Khung lãi suất tối thiểu mua lại công cụ nợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Phương pháp xác định lãi suất trúng thầu

a) Đối với phương thức đấu thầu mua lại đơn giá: Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu thấp nhất, áp dụng chung cho tất cả các nhà tạo lập thị trường (đấu thầu cạnh tranh và không cạnh tranh lãi suất) được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Trong khung lãi suất tối thiểu mua lại do Bộ Tài chính quy định;

- Khối lượng công cụ nợ mua lại tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng công cụ nợ thông báo mua lại.

b) Đối với phương thức đấu thầu mua lại đa giá:

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư cạnh tranh lãi suất là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư đó được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

+ Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không thấp hơn khung lãi suất tối thiểu mua lại công cụ nợ do Bộ Tài chính quy định;

+ Khối lượng công cụ nợ mua lại tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất không vượt quá khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho các nhà đầu tư đặt thầu dưới hình thức không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu, được làm tròn xuống tới hai (02) chữ số thập phân.

3. Phương pháp xác định khối lượng công cụ nợ trúng thầu

a) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức cạnh tranh lãi suất:

Khối lượng công cụ nợ mua lại từ mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng công cụ nợ dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại

mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất cao hơn, phần còn lại của khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Khối lượng công cụ nợ phân bổ cho các nhà đầu tư được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

b) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất:

- Khối lượng công cụ nợ mua lại từ mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất vượt quá khối lượng gọi thầu, thì sau khi đã trừ đi khối lượng mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất và khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất cao hơn, phần còn lại được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu trừ đi khối lượng công cụ nợ mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất;

- Khối lượng công cụ nợ mua lại từ mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tổng khối lượng dự thầu vượt quá giới hạn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 Thông tư này, khối lượng công cụ nợ mua lại từ mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất được phân bổ theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu không cạnh tranh lãi suất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu không cạnh tranh lãi suất của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu không cạnh tranh lãi suất;

- Trường hợp tất cả các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất không trúng thầu, công cụ nợ sẽ không được mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

Ví dụ minh họa xác định lãi suất trúng thầu và phân bổ khối lượng trúng thầu tại Phụ lục 6 Thông tư này.

4. Tổng số tiền mua lại công cụ nợ được xác định bằng khối lượng công cụ nợ mua lại từ chủ sở hữu nhân với giá mua một (01) công cụ nợ.

5. Giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định theo Điều 13 Thông tư này.

Điều 13. Xác định giá mua lại một (01) công cụ nợ

1. Xác định giá mua lại một (01) công cụ nợ không thanh toán lãi định kỳ

a) Đối với tín phiếu Kho bạc

$$G = \frac{MG}{1 + \frac{L_t \times n}{365}}$$

Trong đó:

G = Giá một (01) tín phiếu (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá tín phiếu;

L_t = Lãi suất chiết khấu áp dụng với tín phiếu bị mua lại (%/365 ngày);

n = Số ngày thực tế kể từ ngày mua lại tín phiếu tới ngày tín phiếu đáo hạn.

b) Đối với công cụ nợ không thanh toán lãi định kỳ khác có kỳ hạn khi phát hành từ 01 năm trở lên

$$GG = MG \times \frac{1}{(1 + L_t)^{(\frac{a}{E} + t - 1)}}$$

Trong đó:

GG = Giá mua lại một (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá công cụ nợ;

a = Số ngày kể từ ngày mua lại công cụ nợ cho đến ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp theo giả định;

E = Số ngày trong kỳ trả lãi giả định mà công cụ nợ được mua lại;

t = Số lần trả lãi giả định kể từ ngày mua lại công cụ nợ đến ngày công cụ nợ đáo hạn;

Lt = Lãi suất mua lại công cụ nợ (%/năm).

2. Xác định giá mua lại một (01) công cụ nợ có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau

a) Đối với trường hợp ngày mua lại công cụ nợ trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = MG \times \left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{\left(1-\frac{d}{E}\right)} \times \left\{\frac{L_c}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{t}}\right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{t}}\right\}$$

b) Đối với trường hợp ngày mua lại công cụ nợ sau ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = MG \times \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{\left(\frac{d}{E}\right)}} x \left\{\frac{L_c}{L_t} x \left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right\}$$

Trong đó:

GG = Giá mua lại một (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá công cụ nợ;

L_c = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ (%/năm);

k = Số lần thanh toán lãi định kỳ trong 1 năm;

d = Số ngày thực tế giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp;

E = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi mà công cụ nợ được mua lại;

t = Số lần thanh toán lãi công cụ nợ giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày đáo hạn của công cụ nợ;

Lt = Lãi suất mua lại công cụ nợ (%/năm).

3. Xác định giá mua lại một (01) công cụ nợ có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn hoặc dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

a) Trường hợp ngày mua lại công cụ nợ trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng để nhận được tiền lãi công cụ nợ của kỳ trả lãi đầu tiên:

- Đối với trường hợp số ngày thực tế từ ngày mua lại công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn một (01) kỳ trả lãi thông thường, giá mua một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{\left(\frac{a1}{E}\right)}}\left\{GL_1 + MG \times \left\{\frac{L_c}{L_t} x\left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right\}\right\}$$

- Đối với trường hợp số ngày thực tế từ ngày mua lại công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn hoặc bằng một (01) kỳ trả lãi thông thường, giá mua một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{\left(1+\frac{a2}{E}\right)}}\left\{GL_1 + MG \times \left\{\frac{L_c}{L_t} x\left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right\}\right\}$$

GG = Giá mua một (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

GL_1 = Số tiền thanh toán lãi của một (01) công cụ nợ đối với kỳ trả lãi đầu tiên theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

MG = Mệnh giá công cụ nợ;

L_t = Lãi suất mua lại công cụ nợ (%/năm);

Lc = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ (%/năm);

k = Số lần thanh toán lãi định kỳ trong 1 năm;

a1 = Số ngày thực tế giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi công cụ nợ đầu tiên theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

a2 = Số ngày thực tế từ ngày mua lại công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giả định;

E = Số ngày trong kỳ trả lãi thông thường theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

t = Số lần thanh toán lãi giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày đáo hạn của công cụ nợ.

b) Trường hợp ngày mua lại công cụ nợ sau ngày đăng ký cuối cùng để nhận được tiền lãi công cụ nợ của kỳ trả lãi đầu tiên, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định theo công thức như đối với trường hợp công cụ nợ có các kỳ trả lãi bằng nhau theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp lãi suất danh nghĩa công cụ nợ là lãi suất thả nổi, Bộ Tài chính thông báo cách xác định lãi suất và giá mua lại đối với từng đợt mua lại.

Chương III
TỔ CHỨC HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ

Mục 1
HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ THEO PHƯƠNG THỨC THỎA THUẬN

Điều 14. Các bước hoán đổi công cụ nợ đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

1. Tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin về đợt hoán đổi công cụ nợ trên trang tin điện tử của chủ thể tổ chức phát hành, Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Điều kiện, điều khoản của các công cụ nợ dự kiến bị hoán đổi, bao gồm: mã niêm yết, ngày phát hành, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc, lãi;

b) Điều kiện, điều khoản của các công cụ nợ dự kiến được hoán đổi:

- Trường hợp công cụ nợ phát hành bổ sung, điều kiện, điều khoản bao gồm: mã niêm yết, ngày phát hành, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán lãi công cụ nợ;

- Trường hợp công cụ nợ phát hành lần đầu, điều kiện, điều khoản bao gồm: mã niêm yết dự kiến; ngày phát hành dự kiến; kỳ hạn dự kiến; nguyên tắc xác định lãi suất danh nghĩa; phương thức thanh toán lãi công cụ nợ.

c) Khối lượng công cụ nợ dự kiến bị hoán đổi;

d) Ngày cuối cùng chủ sở hữu công cụ nợ hoặc tổ chức được chủ sở hữu công cụ nợ ủy quyền thực hiện đăng ký tham gia hoán đổi công cụ nợ, đảm bảo tối thiểu là ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức hoán đổi;

đ) Ngày Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa công cụ nợ trên tài khoản lưu ký của chủ sở hữu đã đăng ký tham gia hoán đổi, đảm bảo tối thiểu là hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức hoán đổi;

e) Ngày tổ chức hoán đổi, ngày hoán đổi công cụ nợ dự kiến.

2. Căn cứ vào thông báo về đợt hoán đổi, chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi có nhu cầu hoán đổi gửi chủ thể tổ chức phát hành đơn đăng ký hoán đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 Thông tư này. Các đơn đăng ký sau ngày đăng ký hoán đổi cuối cùng là không hợp lệ.

3. Sau ngày cuối cùng đăng ký hoán đổi, căn cứ thông tin đăng ký hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam để phong tỏa số công cụ nợ đăng ký hoán đổi trên tài khoản lưu ký của chủ sở hữu công cụ nợ theo quy định tại phụ lục 8 Thông tư này. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa số trái phiếu đăng ký hoán đổi của chủ sở hữu công cụ nợ, thông báo cho chủ thể tổ chức phát hành và thành viên lưu ký nơi chủ sở hữu công cụ nợ mở tài khoản lưu ký về việc phong tỏa.

4. Vào ngày tổ chức hoán đổi, căn cứ vào đơn đăng ký của chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi, điều kiện, điều khoản của công cụ nợ hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận với chủ sở hữu công cụ nợ về nội dung hoán đổi theo quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Xác định mức lãi suất chiết khấu đối với công cụ bị hoán đổi và được hoán đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

b) Xác định ngày hoán đổi; kỳ hạn còn lại của các loại công cụ nợ hoán đổi;

c) Xác định giá công cụ nợ bị hoán đổi; giá công cụ nợ được hoán đổi theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21 Thông tư này;

d) Xác định khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi bảo đảm không vượt quá khối lượng chủ sở hữu công cụ nợ đã đăng ký và được phong tỏa tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; xác định số lượng công cụ nợ được hoán đổi trả lại cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 21 Thông tư này.

5. Trường hợp thống nhất được với chủ sở hữu công cụ nợ về việc hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành và chủ sở hữu công cụ nợ ký hợp đồng hoán đổi theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này.

6. Căn cứ vào hợp đồng ký kết, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ thông báo chi tiết kết quả hoán đổi cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục 10 Thông tư này để thực hiện việc đăng ký, lưu ký và niêm yết đối với công cụ nợ được hoán đổi, hủy đăng ký, rút lưu ký, hủy niêm yết đối với các công cụ nợ bị hoán đổi và ngừng phong tỏa công cụ nợ không thống nhất được với chủ sở hữu về việc hoán đổi.

7. Kết thúc đợt hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư này.

Điều 15. Các bước hoán đổi công cụ nợ không đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Căn cứ vào đề án, phương án hoán đổi công cụ nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận với chủ sở hữu công cụ nợ về nội dung hoán đổi theo quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Điều kiện, điều khoản của công cụ nợ bị hoán đổi và công cụ nợ được hoán đổi;

b) Mức lãi suất chiết khấu đối với công cụ bị hoán đổi và được hoán đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

c) Ngày hoán đổi; kỳ hạn còn lại của các loại công cụ nợ hoán đổi;

d) Giá công cụ nợ bị hoán đổi; giá công cụ nợ được hoán đổi theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21 Thông tư này;

đ) Thỏa thuận số lượng công cụ nợ bị hoán đổi và xác định số lượng công cụ nợ được hoán đổi trả lại cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 21 Thông tư này.

2. Trường hợp thống nhất được với chủ sở hữu công cụ nợ về việc hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành và chủ sở hữu công cụ nợ ký hợp đồng hoán đổi theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này.

Mục 2
HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU

Điều 16. Nguyên tắc đấu thầu, hình thức đấu thầu và phương thức xác định giá trúng thầu

1. Nguyên tắc đấu thầu

a) Bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các nhà tạo lập thị trường theo đúng quy định của pháp luật;

b) Bảo mật mọi thông tin dự thầu của nhà tạo lập thị trường;

c) Căn cứ khung lãi suất hoán đổi của Bộ Tài chính và lãi suất của công cụ nợ có kỳ hạn còn lại tương đương trên thị trường, chủ thể tổ chức phát hành công bố lãi suất/giá của công cụ nợ bị hoán đổi và tổ chức đầu thầu lãi suất/giá của công cụ nợ được hoán đổi hoặc công bố lãi suất/giá của công cụ nợ được hoán đổi và tổ chức đầu thầu lãi suất/giá của công cụ nợ bị hoán đổi.

2. Hình thức đấu thầu

Đấu thầu hoán đổi công cụ nợ được thực hiện theo một (01) trong hai (02) hình thức, gồm:

a) Đấu thầu cạnh tranh lãi suất;

b) Đấu thầu kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất.

Trường hợp đợt đấu thầu được tổ chức theo hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất thì tổng khối lượng công cụ nợ đăng ký hoán đổi của nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất đảm bảo không vượt quá 30% tổng khối lượng công cụ nợ gọi thầu hoán đổi trong phiên đấu thầu.

3. Phương thức xác định kết quả trúng thầu

Kết quả trúng thầu công cụ nợ được xác định theo một (01) trong hai (02) phương thức sau:

a) Đơn giá;

b) Đa giá.

4. Chủ thể tổ chức phát hành thông báo cụ thể về hình thức đấu thầu, phương thức xác định kết quả trúng thầu đối với mỗi đợt đấu thầu hoán đổi.

Điều 17. Đối tượng được tham gia đấu thầu hoán đổi công cụ nợ

1. Là nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ theo thông báo hàng năm của Bộ Tài chính.

2. Nhà tạo lập thị trường được đấu thầu hoán đổi công cụ nợ thuộc sở hữu của mình hoặc đấu thầu hoán đổi công cụ nợ cho khách hàng theo ủy quyền của chủ sở hữu công cụ nợ.

Điều 18. Các bước hoán đổi công cụ nợ

1. Tối thiểu bốn (04) ngày làm việc trước ngày tổ chức hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin trên trang điện tử của chủ thể tổ chức phát hành và đề nghị Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo cho toàn bộ nhà tạo lập thị trường và công bố thông tin trên trang tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Điều kiện, điều khoản các công cụ nợ dự kiến bị hoán đổi và được hoán đổi, bao gồm: mã niêm yết; ngày phát hành lần đầu; ngày đáo hạn; lãi suất danh nghĩa; phương thức thanh toán gốc, lãi;

b) Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi hoặc bị hoán đổi dự kiến;

c) Ngày tổ chức hoán đổi và ngày hoán đổi;

d) Hình thức đấu thầu, phương thức xác định kết quả đấu thầu.

2. Chậm nhất vào 9 giờ 30 phút ngày tổ chức hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành thông báo lãi suất/giá của công cụ nợ bị hoán đổi (để đấu thầu lãi suất công cụ nợ được hoán đổi) hoặc lãi suất/giá công cụ nợ được hoán đổi (để đấu thầu lãi suất công cụ nợ bị hoán đổi) qua hệ thống đấu thầu của Sở Giao dịch chứng khoán và trên trang điện tử của mình.

3. Chậm nhất vào 10 giờ 30 phút ngày tổ chức hoán đổi, nhà tạo lập thị trường gửi Sở Giao dịch chứng khoán thông tin dự thầu bao gồm lãi suất công cụ nợ được hoán đổi hoặc bị hoán đổi theo mẫu đăng ký dự thầu do Sở Giao dịch chứng khoán quy định. Mỗi nhà tạo lập thị trường và mỗi khách hàng của nhà tạo lập thị trường dự thầu cạnh tranh lãi suất được phép đặt tối đa năm (05) mức dự thầu đối với mỗi mã công cụ nợ gọi thầu, mỗi mức đặt thầu bao gồm lãi suất dự thầu (tính đến 2 chữ số thập phân) và khối lượng công cụ nợ dự thầu tương ứng. Đối với trường hợp đấu thầu hộ cho khách hàng, nhà tạo lập thị trường phải cung cấp đầy đủ tên khách hàng, mức lãi suất và khối lượng dự thầu tương ứng của mỗi khách hàng.

4. Chậm nhất mười lăm (15) phút sau thời gian đăng ký dự thầu cuối cùng quy định tại Khoản 3 Điều này, Sở Giao dịch chứng khoán mở thầu, tổng hợp thông tin dự thầu và gửi cho chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ.

5. Căn cứ vào thông tin dự thầu tổng hợp nhận từ Sở Giao dịch chứng khoán, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ xác định mức lãi suất đối với mỗi mã công cụ nợ được hoán đổi hoặc bị hoán đổi và thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán để xác định kết quả đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi theo quy định tại Điều 19 và kết quả đấu thầu công cụ nợ bị hoán đổi theo quy định tại Điều 20 Thông tư này.

6. Kết thúc phiên đấu thầu hoán đổi, Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả đấu thầu cho nhà tạo lập thị trường bằng dữ liệu điện tử thông qua hệ thống đấu thầu điện tử và thông báo cho cho chủ thể tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục 11 Thông tư này. Sau khi nhận được thông báo, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phong tỏa công cụ nợ bị hoán đổi đã trúng thầu hoán đổi.

7. Vào ngày hoán đổi, căn cứ vào kết quả đấu thầu, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký, lưu ký, niêm yết đối

với công cụ nợ được hoán đổi và hủy đăng ký, rút lưu ký, hủy niêm yết đối với các công cụ nợ bị hoán đổi theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

8. Kết thúc đợt hoán đổi công cụ nợ, chủ thể tổ chức phát hành thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư này.

Điều 19. Xác định kết quả đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi

Trường hợp chủ thể tổ chức phát hành công bố lãi suất/giá công cụ nợ bị hoán đổi và đấu thầu lãi suất công cụ nợ được hoán đổi thì kết quả đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi xác định như sau:

1. Căn cứ để xác định lãi suất trúng thầu, khối lượng trúng thầu và giá công cụ nợ được hoán đổi

a) Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi gọi thầu;

b) Lãi suất và khối lượng công cụ nợ được hoán đổi dự thầu;

c) Khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Phương pháp xác định lãi suất trúng thầu

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá: Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho tất cả các nhà tạo lập thị trường trúng thầu (đấu thầu cạnh tranh và không cạnh tranh lãi suất) và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định;

- Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng công cụ nợ thông báo được hoán đổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư trúng thầu cạnh tranh lãi suất là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư đó được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

+ Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không cao hơn khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ do Bộ Tài chính quy định;

+ Khối lượng công cụ nợ hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho các nhà đầu tư đặt thầu dưới hình thức không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu, được làm tròn xuống hai (02) chữ số thập phân.

3. Phương pháp xác định khối lượng công cụ nợ trúng thầu

a) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức cạnh tranh lãi suất:

Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi cho mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất thấp hơn, phần còn lại của khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Khối lượng công cụ nợ phân bổ cho các nhà đầu tư được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất thực hiện phân bổ, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

b) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất:

- Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi cho mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất và khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất thấp hơn, phần còn lại của khối lượng công cụ nợ gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất thực hiện phân bổ, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu trừ đi khối lượng công cụ nợ phát hành cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất;

- Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi cho mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tổng khối lượng dự thầu vượt quá giới hạn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 Thông tư này, khối lượng công cụ nợ được hoán đổi phân bổ cho mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu của

nhà đầu tư đó và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu không cạnh tranh lãi suất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu không cạnh tranh lãi suất của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu không cạnh tranh lãi suất;

- Trường hợp tất cả các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất không trúng thầu, công cụ nợ sẽ không được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

Ví dụ minh họa xác định lãi suất trúng thầu, lãi suất danh nghĩa và phân bổ khối lượng công cụ nợ được hoán đổi trúng thầu tại 0 Thông tư này.

Điều 20. Xác định kết quả đấu thầu công cụ nợ bị hoán đổi

Trường hợp chủ thể tổ chức phát hành công bố lãi suất/giá công cụ nợ được hoán đổi và đấu thầu lãi suất công cụ nợ bị hoán đổi thì kết quả đấu thầu công cụ nợ bị hoán đổi xác định như sau:

1. Căn cứ để xác định lãi suất trúng thầu, khối lượng trúng thầu và giá công cụ nợ bị hoán đổi

a) Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi gọi thầu;

b) Lãi suất và khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi dự thầu;

c) Khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Phương pháp xác định lãi suất trúng thầu

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá: Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu thấp nhất, áp dụng chung cho tất cả các nhà đầu tư (cạnh tranh và không cạnh tranh lãi suất) được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định;

- Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng công cụ nợ thông báo bị hoán đổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư cạnh tranh lãi suất là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư đó được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

+ Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không thấp hơn khung lãi suất tối thiểu hoán đổi công cụ nợ do Bộ Tài chính quy định;

+ Khối lượng công cụ nợ hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất không vượt quá khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho các nhà đầu tư đặt thầu dưới hình thức không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu, được làm tròn xuống tới hai (02) chữ số thập phân.

3. Phương pháp xác định khối lượng công cụ nợ trúng thầu cho từng nhà đầu tư

a) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức cạnh tranh lãi suất:

Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi cho mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất cao hơn, phần còn lại của khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Khối lượng công cụ nợ phân bổ cho các nhà đầu tư được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được ưu tiên phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất thực hiện phân bổ, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

b) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất:

- Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi của mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất cao hơn và khối lượng dự thầu từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất, phần còn lại của khối lượng công cụ nợ gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được ưu tiên phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất thực hiện phân bổ, trường hợp phân bổ phần lẻ

vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu trừ đi khối lượng công cụ nợ phát hành cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất;

- Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi của mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tổng khối lượng dự thầu vượt quá giới hạn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 Thông tư này, khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi phân bổ cho mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu không cạnh tranh lãi suất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu không cạnh tranh lãi suất của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu không cạnh tranh lãi suất;

- Trường hợp tất cả các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất không trúng thầu, công cụ nợ sẽ không được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

Ví dụ minh họa xác định lãi suất trúng thầu và phân bổ khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi trúng thầu tại Phụ lục 13 Thông tư này.

Điều 21. Xác định giá và số lượng công cụ nợ được hoán đổi, bị hoán đổi

1. Giá của một (01) công cụ nợ bị hoán đổi được xác định cụ thể như sau:

a) Trường hợp công cụ nợ bị hoán đổi không thanh toán lãi định kỳ:

- Đối với tín phiếu Kho bạc:

$$G_1 = \frac{MG}{1 + \frac{L_t \times n}{365}}$$

Trong đó:

G_1 = Giá một (01) tín phiếu (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá tín phiếu;

L_t = Lãi suất chiết khấu áp dụng với tín phiếu bị hoán đổi (%/365 ngày);

n = Số ngày thực tế kể từ ngày hoán đổi tín phiếu tới ngày tín phiếu đáo hạn.

- Đối với công nợ cụ không thanh toán lãi định kỳ có kỳ hạn khi phát hành từ một (01) năm trở lên:

$$GG_1 = MG_1 \times \frac{1}{\left(1 + L_{t1}\right)^{\left(\frac{a_1}{E_1} + t - 1\right)}}$$

Trong đó:

GG_1 = Giá (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG_1 = Mệnh giá công cụ nợ;

a_1 = Số ngày thực tế kể từ ngày hoán đổi công cụ nợ cho đến ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp theo giả định;

E_1 = Số ngày trong kỳ trả lãi giả định mà chủ thể tổ chức phát hành thực hiện hoán đổi;

t = Số lần trả lãi giả định kể từ ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày công cụ nợ đáo hạn;

L_{t1} = Lãi suất chiết khấu áp dụng đối với công cụ nợ bị hoán đổi (%/năm).

b) Trường hợp ngày hoán đổi công cụ nợ trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp:

- Xác định giá một (01) công cụ nợ bị hoán đổi có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau:

$$GG_1 = MG_1 \times \left(1 + \frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{\left(1 - \frac{d_1}{E_1}\right)} \times \left\{\frac{L_{c1}}{L_{t1}} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{t_1}}\right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{t_1}}\right\}$$

- Xác định giá một (01) công cụ nợ bị hoán đổi có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hoặc dài hơn một (01) kỳ trả lãi thông thường:

+ Đối với trường hợp số ngày thực tế từ ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn một (01) kỳ trả lãi thông thường, giá của một (01) công cụ nợ bị hoán đổi được xác định như sau:

$$GG_1 = \frac{1}{\left(1 + \frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{\left(\frac{a_1}{E_1}\right)}} \left\{GL_1 + MG_1 \times \left\{\frac{L_{c1}}{L_{t1}} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{(t_1 - 1)}}\right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{(t_1 - 1)}}\right\}\right\}$$

+ Đối với trường hợp số ngày thực tế từ ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn hoặc bằng một (01) kỳ trả lãi thông thường, giá mua một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG_1 = \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{\left(1+\frac{a_2}{E_1}\right)}}\left\{GL_1 + MG_1 \times \left\{\frac{L_{c1}}{L_{t1}} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{(t_1-1)}}\right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{(t_1-1)}}\right\}\right\}$$

Trong đó:

GG_1 = Giá của một (01) công cụ nợ bị hoán đổi (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

GL_1 = Số tiền thanh toán lãi của một (01) công cụ nợ đối với kỳ trả lãi đầu tiên theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

L_{c1} = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ bị hoán đổi (%/năm);

k_1 = Số lần thanh toán lãi trong 1 năm của công cụ nợ bị hoán đổi;

d_1 = Số ngày thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp của công cụ nợ bị hoán đổi;

a1 = Số ngày thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi công cụ nợ đầu tiên theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

a2 = Số ngày thực tế từ ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giả định;

E_1 = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi mà chủ thể tổ chức phát hành thực hiện hoán đổi công cụ nợ;

L_{t1} = Lãi suất chiết khấu áp dụng đối với công cụ nợ bị hoán đổi (%/năm);

MG_1 = Mệnh giá của một (01) công cụ nợ bị hoán đổi;

t_1 = Số lần thanh toán lãi còn lại thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày đáo hạn công cụ nợ bị hoán đổi.

c) Trường hợp ngày hoán đổi công cụ nợ sau ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp được xác định theo công thức như sau:

$$GG_1 = \frac{MG_1}{\left(1+\frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{\frac{d_1}{E_1}}} \times \left\{\frac{L_{c1}}{L_{t1}} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{(t_1-1)}}\right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t1}}{k_1}\right)^{(t_1-1)}}\right\}$$

Trong đó:

GG_1 = Giá của một (01) công cụ nợ bị hoán đổi (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

L_{c1} = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ bị hoán đổi (%/năm);

k_1 = Số lần thanh toán lãi trong 1 năm của công cụ nợ bị hoán đổi;

d_1 = Số ngày thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp của công cụ nợ bị hoán đổi;

E_1 = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi mà chủ thể tổ chức phát hành thực hiện hoán đổi công cụ nợ;

L_{t1} = Lãi suất chiết khấu áp dụng đối với công cụ nợ bị hoán đổi (%/năm);

MG_1 = Mệnh giá của một (01) công cụ nợ bị hoán đổi;

t_1 = Số lần thanh toán lãi còn lại thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày đáo hạn công cụ nợ bị hoán đổi.

d) Lãi suất chiết khấu để tính giá công cụ nợ bị hoán đổi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này là lãi suất do chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận với chủ sở hữu công cụ nợ hoặc do chủ thể tổ chức phát hành quyết định trong trường hợp đấu thầu.

2. Giá của một (01) công cụ nợ được hoán đổi được xác định như sau:

a) Trường hợp công cụ nợ được hoán đổi không thanh toán lãi định kỳ:

$$GG_2 = MG_2 \times \frac{1}{(1+L_{t2})^{\left(\frac{a_2}{E_2}+t-1\right)}}$$

Trong đó:

GG_2 = Giá (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG_2 = Mệnh giá công cụ nợ;

a_2 = Số ngày thực tế kể từ ngày hoán đổi công cụ nợ cho đến ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp theo giả định;

E_2 = Số ngày trong kỳ trả lãi giả định mà chủ thể tổ chức phát hành thực hiện hoán đổi công cụ nợ;

t = Số lần trả lãi giả định kể từ ngày hoán đổi đến ngày công cụ nợ đáo hạn;

L_{t2} = Lãi suất chiết khấu áp dụng đối với công cụ nợ được hoán đổi (%/năm).

b) Trường hợp ngày hoán đổi công cụ nợ là trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp:

- Xác định giá một (01) công cụ nợ được hoán đổi có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau:

$$GG_2 = MG_2 \times \left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{\left(1-\frac{d_2}{E_2}\right)} \times \left\{\frac{L_{c2}}{L_{t2}} \times \left[1-\frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{t_2}}\right]+\frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{t_2}}\right\}$$

- Xác định giá một (01) công cụ nợ được hoán đổi có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và kỳ trả lãi đầu tiên ngắn/dài hơn 01 kỳ trả lãi thông thường:

+ Đối với trường hợp số ngày thực tế từ ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn một (01) kỳ trả lãi thông thường, giá của một (01) công cụ nợ được hoán đổi được xác định như sau:

$$GG_2 = \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{\left(\frac{a_3}{E_2}\right)}}\left\{GL_2 + MG_2 \times \left\{\frac{L_{c2}}{L_{t2}} \times \left[1-\frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{(t_2-1)}}\right]+\frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{(t_2-1)}}\right\}\right\}$$

+ Đối với trường hợp số ngày thực tế từ ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn hoặc bằng một (01) kỳ trả lãi thông thường, giá của một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG_2 = \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{\left(1+\frac{a_4}{E_2}\right)}}\left\{GL_2 + MG_2 \times \left\{\frac{L_{c2}}{L_{t2}} \times \left[1-\frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{(t_2-1)}}\right]+\frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{(t_2-1)}}\right\}\right\}$$

Trong đó:

GG_2 = Giá của một (01) công cụ nợ được hoán đổi (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

GL_2 = Số tiền thanh toán lãi của một (01) công cụ nợ đối với kỳ trả lãi đầu tiên theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

L_{c2} = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ được hoán đổi (%/năm). Trường hợp công cụ nợ được hoán đổi là công cụ nợ phát hành lần đầu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu trái phiếu áp dụng đối với các nhà đầu tư trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân. Đối với công cụ nợ được hoán đổi phát hành bổ sung, L_c là lãi suất danh nghĩa của công cụ nợ đang lưu hành và được phát hành bổ sung;

k_2 = Số lần thanh toán lãi trong 1 năm của công cụ nợ được hoán đổi;

d_2 = Số ngày thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp của công cụ nợ được hoán đổi;

a_3 = Số ngày thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi công cụ nợ đầu tiên theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

a_4 = Số ngày thực tế từ ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giả định;

E_2 = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi mà chủ thể tổ chức phát hành thực hiện hoán đổi công cụ nợ;

L_{t2} = Lãi suất chiết khấu áp dụng đối với công cụ nợ được hoán đổi (%/năm);

MG_2 = Mệnh giá của một (01) công cụ nợ được hoán đổi;

t_2 = Số lần thanh toán lãi còn lại thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày đáo hạn công cụ nợ được hoán đổi.

c) Trường hợp ngày hoán đổi công cụ nợ sau ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp được xác định theo công thức như sau:

$$GG_2 = \frac{MG_2}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{\frac{d_2}{E_2}}} \times \left\{ \frac{L_{c2}}{L_{t2}} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{(t_2-1)}} \right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_{t2}}{k_2}\right)^{(t_2-1)}} \right\}$$

Trong đó:

GG_2 = Giá của một (01) công cụ nợ được hoán đổi (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

L_{c2} = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ được hoán đổi (%/năm). Trường hợp công cụ nợ được hoán đổi là công cụ nợ phát hành lần đầu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu trái phiếu áp dụng đối với các nhà đầu tư trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân. Đối với công cụ nợ được hoán đổi phát hành bổ sung, L_c là lãi suất danh nghĩa của công cụ nợ đang lưu hành và được phát hành bổ sung;

k_2 = Số lần thanh toán lãi trong 1 năm của công cụ nợ được hoán đổi;

d_2 = Số ngày thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp của công cụ nợ được hoán đổi;

E_2 = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi mà chủ thể tổ chức phát hành thực hiện hoán đổi công cụ nợ;

L_{t2} = Lãi suất chiết khấu áp dụng đối với công cụ nợ được hoán đổi (%/năm);

MG_2 = Mệnh giá của một (01) công cụ nợ được hoán đổi;

t_2 = Số lần thanh toán lãi còn lại thực tế giữa ngày hoán đổi công cụ nợ và ngày đáo hạn công cụ nợ được hoán đổi.

d) Lãi suất chiết khấu để tính giá công cụ nợ được hoán đổi quy định tại điểm a, điểm b, điểm ca khoản này là lãi suất do chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận với chủ sở hữu công cụ nợ hoặc do chủ thể tổ chức phát hành quyết định trong trường hợp đấu thầu.

3. Chủ thể tổ chức phát hành xác định số lượng công cụ nợ được hoán đổi (trả lại cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi) và số lượng công cụ nợ bị hoán đổi (nhận từ chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi) như sau:

a) Trường hợp chủ thể tổ chức phát hành đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi:

- Số lượng công cụ nợ bị hoán đổi nhận từ chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi được tính như sau:

$$N_1 = N_2 \times \frac{GG_2}{GG_1}$$

Trong đó:

N_1 = Số lượng công cụ nợ bị hoán đổi nhận từ chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi. Số lượng công cụ nợ bị hoán đổi được làm tròn lên đơn vị một (01) công cụ nợ;

N_2 = Số lượng công cụ nợ được hoán đổi trả lại cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi. Số lượng công cụ nợ được hoán đổi phân bổ cho từng nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư này;

GG_1 = Giá của một (01) công cụ nợ bị hoán đổi;

GG_2 = Giá của một (01) công cụ nợ được hoán đổi.

- Trường hợp số lượng công cụ nợ bị hoán đổi được xác định theo công thức tại Điểm này vượt quá số lượng công cụ nợ của chủ sở hữu đã đăng ký tham gia đợt hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành chỉ nhận tối đa số lượng công cụ nợ đã đăng ký tham gia đợt hoán đổi và xác định lại số lượng công cụ nợ được hoán đổi tương ứng để trả cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi (số lượng công cụ nợ xác định lại đươc làm tròn xuống đơn vị một (01) công cụ nợ.

b) Trường hợp chủ thể tổ chức phát hành đấu thầu công cụ nợ bị hoán đổi:

- Số lượng công cụ nợ được hoán đổi trả lại cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi được tính như sau:

$$N_2 = N_1 \times \frac{GG_1}{GG_2}$$

Trong đó:

N_2 = Số lượng công cụ nợ được hoán đổi trả lại cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi. Số lượng công cụ nợ được hoán đổi được làm tròn xuống đơn vị một (01) công cụ nợ;

N_1 = Số lượng công cụ nợ bị hoán đổi nhận từ chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi. Số lượng công cụ nợ bị hoán đổi phân bổ cho từng nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Thông tư này;

GG_1 = Giá của một (01) công cụ nợ bị hoán đổi;

GG_2 = Giá của một (01) công cụ nợ được hoán đổi.

Chương IV
THANH TOÁN TIỀN MUA LẠI, CHI PHÍ TỔ CHỨC MUA LẠI, HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ

Mục 1
THANH TOÁN TIỀN MUA LẠI CÔNG CỤ NỢ

Điều 22. Thanh toán tiền mua lại công cụ nợ

1. Đối với công cụ nợ mua lại được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

a) Chậm nhất vào 11 giờ 30 phút ngày mua lại công cụ nợ, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ phải đảm bảo toàn bộ tiền mua lại công cụ nợ (bao gồm cả tiền mua lại công cụ nợ của khách hàng của nhà tạo lập thị trường) đã được thanh toán và ghi có vào tài khoản của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;

b) Trong ngày mua lại công cụ nợ, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển tiền thanh toán cho chủ sở hữu công cụ nợ theo danh sách thông báo của chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán sau khi hoàn thành việc thanh toán để thực hiện hủy niêm yết, rút lưu ký, hủy đăng ký công cụ nợ theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

2. Đối với công cụ nợ không được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, chậm nhất vào 16 giờ ngày mua lại công cụ nợ theo hợp đồng mua lại công cụ nợ, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ phải đảm bảo toàn bộ tiền mua lại công cụ nợ đã được thanh toán và ghi có vào tài khoản của chủ sở hữu công cụ nợ.

Mục 2
CHI PHÍ TỔ CHỨC MUA LẠI, HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ

Điều 23. Chi phí tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Chi phí tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ bao gồm:

a) Chi phí trả cho Kho bạc Nhà nước để tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ gồm: chi phí trực tiếp liên quan đến công tác mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ; chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa, thiết bị, công nghệ; chi hội nghị, đào tạo, khảo sát, nghiên cứu; chi thông tin, tuyên truyền; chi, khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân theo quy chế do Kho bạc Nhà nước ban hành; các chi phí khác;

b) Chi phí đấu thầu mua lại, hoán đổi công cụ nợ tại Sở Giao dịch Chứng khoán: áp dụng theo mức giá dịch vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Nguồn chi trả

a) Ngân sách Trung ương chi trả các khoản chi phí tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ. Kho bạc Nhà nước lập dự toán chi phí tổ chức mua lại, hoán đổi do Kho bạc Nhà nước thực hiện và tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Kho bạc Nhà nước,

b) Ngân hàng chính sách chi trả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình mua lại, hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và được tính vào chi phí hoạt động của ngân hàng chính sách;

c) Ngân sách địa phương chi trả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình mua lại, hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương.

Điều 24. Tiền phạt nhà tạo lập thị trường không có đủ công cụ nợ trúng thầu mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Nhà tạo lập thị trường phải đảm bảo tài khoản lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có đủ số lượng công cụ nợ trúng thầu mua lại hoặc hoán đổi (bao gồm cả công cụ nợ của khách hàng của nhà tạo lập thị trường) trong ngày tổ chức đấu thầu.

2. Trường hợp nhà tạo lập thị trường không đảm bảo có đủ số lượng công cụ nợ quy định tại Khoản 1 Điều này, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo cho chủ thể tổ chức phát hành và Sở Giao dịch chứng khoán để hủy kết quả đấu thầu đối với số lượng công cụ nợ bị thiếu.

3. Chủ thể tổ chức phát hành thu tiền phạt đối với nhà tạo lập thị trường trong trường hợp thiếu công cụ nợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này như sau:

a) Số tiền phạt phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$P = GG \times N \times \frac{L_0}{k} \times 10\%$$

Trong đó:

P = Số tiền phạt đối với nhà tạo lập thị trường không có đủ công cụ nợ đã trúng thầu mua lại, hoán đổi;

GG = Giá trúng thầu mua lại một (01) công cụ nợ hoặc giá công cụ nợ bị hoán đổi do chủ thể tổ chức phát hành thông báo hoặc giá công cụ nợ bị hoán đổi trúng thầu;

N = Số lượng công cụ nợ còn thiếu so với kết quả trúng thầu;

Lo = Lãi suất thị trường liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo tại ngày tổ chức đấu thầu (%/năm);

k = bằng một (01) đối với công cụ nợ không thanh toán lãi định kỳ, bằng số lần thanh toán lãi trong 1 năm đối với công cụ nợ thanh toán lãi định kỳ.

b) Chủ thể tổ chức phát hành thông báo bằng văn bản cho nhà tạo lập thị trường không có đủ số lượng công cụ nợ, trong đó nêu rõ số tiền phạt, thời hạn thanh toán và tài khoản nộp tiền phạt.

c) Nhà tạo lập thị trường phải nộp tiền phạt theo thông báo của chủ thể tổ chức phát hành. Đối với công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, tiền phạt được ghi thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Chương V
ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, NIÊM YẾT CÔNG CỤ NỢ MUA LẠI, HOÁN ĐỔI VÀ CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Mục 1
ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, NIÊM YẾT CÔNG CỤ NỢ MUA LẠI, HOÁN ĐỔI

Điều 25. Hủy niêm yết, rút lưu ký và hủy đăng ký công cụ nợ được mua lại

1. Sở Giao dịch chứng khoán hủy niêm yết đối với công cụ nợ sau khi nhận được xác nhận hoàn tất thanh toán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Sau khi hủy niêm yết, Sở Giao dịch chứng khoán thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam để rút lưu ký, hủy đăng ký đối với các công cụ nợ được mua lại trong cùng ngày.

2. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt thông báo kết quả rút lưu ký, hủy đăng ký cho Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và thành viên lưu ký.

Điều 26. Quy định về đăng ký, lưu ký và niêm yết công cụ nợ bị hoán đổi và công cụ nợ được hoán đổi

1. Đối với công cụ nợ tổ chức hoán đổi theo phương thức đấu thầu

a) Vào ngày hoán đổi Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện hủy niêm yết và thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam rút lưu ký và hủy đăng ký đối với công cụ nợ bị hoán đổi đang thực hiện phong tỏa theo quy định tại Khoản 7 Điều 18 Thông tư này;

b) Sau khi rút lưu ký, hủy đăng ký công cụ nợ bị hoán đổi theo Điểm a Khoản này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký, lưu ký và thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán để thực hiện niêm yết đối với công cụ nợ được hoán đổi tương ứng.

2. Đối với công cụ nợ tổ chức hoán đổi theo phương thức thỏa thuận

Căn cứ vào kết quả hoán đổi công cụ nợ do chủ thể tổ chức phát hành thông báo, Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện hủy niêm yết và thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam rút lưu ký và hủy đăng ký đối với công cụ nợ bị hoán đổi đang thực hiện phong tỏa theo quy định tại Khoản 6 Điều 14 Thông tư này. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký, lưu ký và thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện niêm yết đối với công cụ nợ được hoán đổi tương ứng.

Mục 2
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 27. Công bố thông tin mua lại công cụ nợ

1. Chậm nhất ba (03) ngày làm việc sau ngày mua lại công cụ nợ, chủ thể tổ chức phát hành công bố trên trang điện tử của mình và gửi thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam các thông tin về kết quả mua lại như sau:

a) Ngày phát hành lần đầu, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc, lãi đối với từng mã công cụ nợ được mua lại;

b) Ngày mua lại công cụ nợ, lãi suất mua lại, khối lượng công cụ nợ mua lại, phương thức mua lại công cụ nợ.

2. Sở Giao dịch chứng khoán thông báo trên trang điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán về việc hủy niêm yết công cụ nợ được mua lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư này.

3. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo trên trang điện tử của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc hủy đăng ký công cụ nợ được mua lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư này.

Điều 28. Công bố thông tin hoán đổi công cụ nợ

1. Chậm nhất ba (03) ngày làm việc sau ngày hoán đổi công cụ nợ, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ công bố trên trang điện tử của mình và Sở Giao dịch chứng khoán các thông tin về kết quả hoán đổi như sau:

a) Khối lượng công cụ nợ hoán đổi thành công đối với từng mã công cụ nợ bị hoán đổi, lãi suất chiết khấu áp dụng đối với từng mã công cụ nợ bị hoán đổi;

b) Mã công cụ nợ được hoán đổi và khối lượng hoán đổi thực tế đối với từng mã, lãi suất chiết khấu áp dụng đối với từng mã công cụ nợ được hoán đổi.

2. Sở Giao dịch chứng khoán thông báo trên trang điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán về việc hủy niêm yết công cụ nợ bị hoán đổi và niêm yết công cụ nợ được hoán đổi theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

3. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo trên trang điện tử của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam về việc hủy đăng ký công cụ nợ bị hoán đổi và đăng ký, lưu ký trái phiếu được hoán đổi theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

Điều 29. Báo cáo kết thúc đợt mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Báo cáo Bộ Tài chính

Sau khi kết thúc đợt mua lại hoặc hoán đổi công cụ nợ theo quy định tại Thông tư này, trong vòng mười (10) ngày làm việc, chủ thể tổ chức phát hành báo cáo Bộ Tài chính các nội dung sau:

a) Mã và khối lượng công cụ nợ được mua lại; mã và khối lượng công cụ nợ được hoán đổi; mã và khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi;

b) Lãi suất mua lại hoặc lãi suất hoán đổi công cụ nợ tương ứng với từng mã công cụ nợ.

2. Báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong kế hoạch vay trả nợ của chính quyền địa phương hàng năm các nội dung sau:

a) Khối lượng công cụ nợ được mua lại; khối lượng công cụ nợ được hoán đổi, khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi. Lãi suất mua lại hoặc lãi suất hoán đổi công cụ nợ;

b) Hạn mức vay nợ của ngân sách cấp tỉnh sau khi thực hiện mua lại hoặc hoán đổi trái phiếu.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Quy định khung lãi suất tối thiểu mua lại công cụ nợ, khung lãi suất hoán đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Bố trí kinh phí mua lại công cụ nợ của Chính phủ, chi phí tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ từ ngân sách Trung ương.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Triển khai thực hiện mua lại, hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định tại Thông tư này.

2. Phối hợp với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

Điều 32. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

1. Tổ chức thực hiện mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ theo Đề án mua lại, hoán đổi công cụ nợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Thông tư này.

2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và hạch toán kế toán liên quan đến việc mua lại, hoán đổi công cụ nợ theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Phối hợp với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

Điều 33. Trách nhiệm của ngân hàng chính sách phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

1. Triển khai thực hiện mua lại, hoán đổi công cụ nợ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định tại Thông tư này.

2. Phối hợp với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

Điều 34. Trách nhiệm của Sở Giao dịch chứng khoán

1. Tổ chức đấu thầu mua lại, đấu thầu hoán đổi công cụ nợ theo quy định tại Thông tư này.

2. Lưu giữ, bảo quản các thông tin liên quan đến các đợt đấu thầu mua lại, hoán đổi công cụ nợ theo chế độ quy định.

3. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

4. Thực hiện niêm yết, hủy niêm yết công cụ nợ theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 35. Trách nhiệm của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Thực hiện phong tỏa, ngừng phong tỏa, hủy đăng ký, rút lưu ký công cụ nợ bị hoán đổi, mua lại và đăng ký, lưu ký công cụ nợ được hoán đổi đối với khối lượng hoán đổi tương ứng theo các quy định tại Thông tư này.

2. Thanh toán tiền mua lại công cụ nợ cho chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư này.

3. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Thông tư này thay thế các văn bản hướng dẫn sau đây:

a) Thông tư số 150/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 09 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn việc hoán đổi trái phiếu Chính phủ;

b) Thông tư số 22/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 3 năm 2017 quy định mua lại trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước;

c) Quy định về chi phí trả cho Kho bạc Nhà nước để tổ chức mua lại, hoán đổi trái phiếu Chính phủ tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 15/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về chi phí phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức phát hành và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét và có hướng dẫn cụ thể./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

Phụ lục 1. Mẫu đăng ký bán lại công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

TÊN ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	
V/v đăng ký bán công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận	*Hà Nội, ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi:..... (chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ)

Căn cứ Thông báo số.... ngày..../.../.... của..... (chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ) về đợt mua lại công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận, chúng tôi đăng ký bán lại công cụ nợ như sau:

Thông tin về công cụ nợ đăng ký bán lại	Thông tin về việc bán lại công cụ nợ						
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Tài khoản lưu ký công cụ nợ	Tài khoản nhận tiền thanh toán bán lại công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ sở hữu	Khối lượng đăng ký bán lại	Đơn vị đại diện thỏa thuận bán lại (*)
I. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A					
	2	B					
	3	C					
	...						
	Tổng cộng						
II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G					
	2	H					
	3	K					
	...						
	Tổng cộng						
...							

(*) Ghi rõ công cụ nợ thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị thỏa thuận bán lại cho khách hàng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2. Mẫu thông báo phong tỏa công cụ nợ đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Mục 1. Mẫu thông báo phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại công cụ nợ của Chính phủ)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v thông báo phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận

Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ danh sách đăng ký bán lại của chủ sở hữu công cụ nợ của Chính phủ, Kho bạc Nhà nước đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phong tỏa số công cụ nợ đăng ký bán lại từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...., cụ thể như sau:

Thông tin về công cụ nợ của Chính phủ đăng ký bán lại	Thông tin về việc phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ đăng ký bán lại					
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Tài khoản lưu ký công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ sở hữu	Khối lượng công cụ nợ đăng ký bán lại đề nghị phong tỏa	Đơn vị đại diện thỏa thuận bán lại (*)
I. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A				
	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

(*) Ghi rõ công cụ nợ thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị thỏa thuận bán lại cho khách hàng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu thông báo phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh)

TÊN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v thông báo phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận	*Hà Nội, ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ danh sách đăng ký bán lại của chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh,..... (tên ngân hàng chính sách) đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phong tỏa số trái phiếu đăng ký bán lại từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...., cụ thể như sau:

Thông tin về trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký bán lại	Thông tin về việc phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký bán lại					
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Tài khoản lưu ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh sở hữu	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký bán lại đề nghị phong tỏa	Đơn vị đại diện thỏa thuận bán lại (*)
I. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A				
	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

(*) Ghi rõ trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị thỏa thuận bán lại cho khách hàng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Mục 3. Mẫu thông báo phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại trái phiếu chính quyền địa phương)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v thông báo phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ danh sách đăng ký bán lại của chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương,..... (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương) đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phong tỏa số trái phiếu đăng ký bán lại từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...., cụ thể như sau:

Thông tin về trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký bán lại	Thông tin về việc phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký bán lại					
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương	Tài khoản lưu ký trái phiếu chính quyền địa phương	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương sở hữu	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký bán lại đề nghị phong tỏa	Đơn vị đại diện thỏa thuận bán lại (*)
I. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A				
	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

(*) Ghi rõ trái phiếu chính quyền địa phương thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị thỏa thuận bán lại cho khách hàng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3. Mẫu hợp đồng mua, bán lại công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận giữa chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ và chủ sở hữu công cụ nợ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Mục 1. Mẫu hợp đồng mua, bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại công cụ nợ của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA LẠI CÔNG CỤ NỢ CỦA CHÍNH PHỦ
Số:.../HĐ

- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước;

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Bên mua lại công cụ nợ của Chính phủ (sau đây gọi là Bên mua)

- Tên tổ chức mua lại công cụ nợ: Kho bạc Nhà nước

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Bên bán lại công cụ nợ của Chính phủ (sau đây gọi là Bên bán)

- Tên tổ chức bán lại công cụ nợ:

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng bán lại công cụ nợ của Chính phủ với các nội dung sau đây:

Điều 1. Kết quả mua lại công cụ nợ của Chính phủ

Bên bán đồng ý bán lại công cụ nợ của Chính phủ cho Bên mua với các điều khoản như sau:

Điều khoản, điều kiện của công cụ nợ của Chính phủ thống nhất mua lại					Khối lượng công cụ nợ của Chính phủ thống nhất mua lại	Lãi suất mua lại	Giá mua lại một công cụ nợ của Chính phủ	Tổng số tiền mua lại công cụ nợ của Chính phủ	Ngày mua lại công cụ nợ của Chính phủ	Tài khoản nhận tiền thanh toán mua lại công cụ nợ của Chính phủ
Mã công cụ nợ của Chính phủ	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi						

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên bán lại công cụ nợ của Chính phủ:

Bán lại công cụ nợ đã được thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này. Bàn giao lại chứng chỉ đối với công cụ nợ của Chính phủ đã được phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc giấy xác nhận đối với công cụ nợ của Chính phủ đã được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.

2. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

- Thanh toán tiền mua lại công cụ nợ của Chính phủ theo Điều 1 Hợp đồng này và quy định tại Điều 22 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

- Thực hiện hủy chứng chỉ hoặc giấy xác nhận đối với bút toán ghi sổ công cụ nợ của Chính phủ đã mua lại trong trường hợp mua lại công cụ nợ của Chính phủ dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ. Thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 đối với công cụ nợ của Chính phủ đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU/ TỔ CHỨC ĐƯỢC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU ỦY QUYỀN	**TỔNG GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mục 2. Mẫu hợp đồng mua, bán lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA LẠI TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
Số:.../HĐ

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ

- Căn cứ Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước;

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Bên mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi là Bên mua)

- Tên tổ chức mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh:..... (tên Ngân hàng chính sách)

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Bên bán lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi là Bên bán)

- Tên tổ chức bán lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh:

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng bán lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh với các nội dung sau đây:

Điều 1. Kết quả mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

Bên bán đồng ý bán lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho Bên mua với các điều khoản như sau:

Điều khoản, điều kiện của trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thống nhất mua lại					Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thống nhất mua lại	Lãi suất mua lại	Giá mua lại một trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Tổng số tiền mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Ngày mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Tài khoản nhận tiền thanh toán mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi						

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của..... (tên Ngân hàng chính sách)

Thanh toán tiền mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo Điều 1 Hợp đồng này và quy định tại Điều 22 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

2. Trách nhiệm của bên bán lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh:

Bán lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đã được thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này.

Điều 3. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được mua lại thực hiện hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU/ TỔ CHỨC ĐƯỢC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU ỦY QUYỀN	**TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mục 3. Mẫu hợp đồng mua, bán lại trái phiếu Chính quyền địa phương theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại trái phiếu chính quyền địa phương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
Số:... /HĐ

- Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của Chính quyền địa phương;

- Căn cứ Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước;

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Bên mua lại trái phiếu Chính quyền địa phương (sau đây gọi là Bên mua)

- Tên tổ chức mua lại trái phiếu Chính quyền địa phương:..... (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Bên bán lại trái phiếu Chính quyền địa phương (sau đây gọi là Bên bán)

- Tên tổ chức bán lại trái phiếu Chính quyền địa phương:

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng bán lại trái phiếu Chính quyền địa phương với các nội dung sau đây:

Điều 1. Kết quả mua lại trái phiếu Chính quyền địa phương

Bên bán đồng ý bán lại trái phiếu Chính quyền địa phương cho Bên mua với các điều khoản như sau:

Điều khoản, điều kiện của trái phiếu Chính quyền địa phương thống nhất mua lại					Khối lượng trái phiếu Chính quyền địa phương thống nhất mua lại	Lãi suất mua lại	Giá mua lại một trái phiếu Chính quyền địa phương	Tổng số tiền mua lại trái phiếu Chính quyền địa phương	Ngày mua lại trái phiếu Chính quyền địa phương	Tài khoản nhận tiền thanh toán mua lại trái phiếu Chính quyền địa phương
Mã trái phiếu Chính quyền địa phương	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi						

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của..... (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

Thanh toán tiền mua lại trái phiếu Chính quyền địa phương theo Điều 1 Hợp đồng này và quy định tại Điều 22 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

2. Trách nhiệm của bên bán lại trái phiếu Chính quyền địa phương:

Bán lại trái phiếu Chính quyền địa phương đã được thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này.

Điều 3. Trái phiếu Chính quyền địa phương được mua lại thực hiện hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU/ TỔ CHỨC ĐƯỢC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU ỦY QUYỀN	**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 4. Mẫu thông báo đề nghị tiếp tục phong tỏa công cụ nợ đã ký hợp đồng mua lại và ngừng phong tỏa công cụ nợ không thống nhất mua lại theo phương thức thỏa thuận

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Mục 1. Mẫu thông báo đề nghị tiếp tục phong tỏa và ngừng phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ mua lại theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại công cụ nợ của Chính phủ)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v thông báo tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa công cụ nợ Chính phủ đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ hợp đồng thỏa thuận mua lại công cụ nợ của Chính phủ số.... ngày... tháng... năm, Kho bạc Nhà nước đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tiếp tục phong tỏa số công cụ nợ của Chính phủ đã ký hợp đồng mua lại và ngừng phong tỏa số công cụ nợ của Chính phủ không thống nhất mua lại, cụ thể như sau:

1. Khối lượng công cụ nợ của Chính phủ đã ký hợp đồng mua lại đề nghị tiếp tục phong tỏa và khối lượng công cụ nợ của Chính phủ không thống nhất mua lại đề nghị ngừng phong tỏa như sau:

Thông tin về công cụ nợ của Chính phủ đăng ký bán lại	Thông tin về việc tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ							
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Số tài khoản lưu ký công cụ nợ	Số tài khoản nhận tiền thanh toán bán lại công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ sở hữu	Khối lượng công cụ nợ đăng ký bán lại đã đề nghị phong tỏa	Đề nghị tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa công cụ nợ	
							Khối lượng công cụ nợ đề nghị tiếp tục phong tỏa	Khối lượng công cụ nợ đề nghị ngừng phong tỏa
I. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A						
	2	B						
	3	C						
	...							
	Tổng cộng							

II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G						
	2	H						
	3	K						
	...							
	Tổng cộng							
...								

2. Đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán tiếp tục phong tỏa công cụ nợ theo Mục 1 nêu trên cho đến ngày Kho bạc Nhà nước thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất việc thanh toán tiền mua lại công cụ nợ của Chính phủ cho chủ sở hữu công cụ nợ. Sau khi Sở Giao dịch chứng khoán thông báo việc hủy niêm yết công cụ nợ của Chính phủ, đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam rút lưu ký, hủy đăng ký công cụ nợ của Chính phủ theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
(Ký tên và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu thông báo đề nghị tiếp tục phong tỏa và ngừng phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh mua lại theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh)

TÊN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v thông báo tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ hợp đồng thỏa thuận mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh số.... ngày... tháng... năm...,..... (tên ngân hàng chính sách) đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tiếp tục phong tỏa số trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đã ký hợp đồng mua lại và ngừng phong tỏa số trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không thống nhất mua lại, cụ thể như sau:

1. Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đã ký hợp đồng mua lại đề nghị tiếp tục phong tỏa và khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không thống nhất mua lại đề nghị ngừng phong tỏa như sau:

Thông tin về trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký bán lại	Thông tin về việc tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh							
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Số tài khoản lưu ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Số tài khoản nhận tiền thanh toán bán lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh sở hữu	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký bán lại đã đề nghị phong tỏa	Đề nghị tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	
							Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đề nghị tiếp tục phong tỏa	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đề nghị ngừng phong tỏa
I. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A						
	2	B						
	3	C						
	...							
	Tổng cộng							

II. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G						
	2	H						
	3	K						
	...							
	Tổng cộng							
...								

2. Đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán tiếp tục phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo Mục 1 nêu trên cho đến ngày..... (chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ) thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất việc thanh toán tiền mua lại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Sau khi Sở Giao dịch chứng khoán thông báo việc hủy niêm yết trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam rút lưu ký, hủy đăng ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH
(Ký tên và đóng dấu)

Mục 3. Mẫu thông báo đề nghị tiếp tục phong tỏa và ngừng phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương mua lại theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với mua lại trái phiếu chính quyền địa phương)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v thông báo tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký bán lại theo phương thức thỏa thuận	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ hợp đồng thỏa thuận mua lại trái phiếu chính quyền địa phương số.... ngày... tháng... năm...,..... (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương) đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tiếp tục phong tỏa số trái phiếu chính quyền địa phương đã ký hợp đồng mua lại và ngừng phong tỏa số trái phiếu chính quyền địa phương không thống nhất mua lại, cụ thể như sau:

1. Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đã ký hợp đồng mua lại đề nghị tiếp tục phong tỏa và khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương không thống nhất mua lại đề nghị ngừng phong tỏa như sau:

Thông tin về trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký bán lại	Thông tin về việc tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương							
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương	Số tài khoản lưu ký trái phiếu chính quyền địa phương	Số tài khoản nhận tiền thanh toán bán lại trái phiếu chính quyền địa phương	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương sở hữu	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký bán lại đã đề nghị phong tỏa	Đề nghị tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương	
							Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đề nghị tiếp tục phong tỏa	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đề nghị ngừng phong tỏa
I. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A						
	2	B						
	3	C						
	...							
	Tổng cộng							

II. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G						
	2	H						
	3	K						
	...							
	Tổng cộng							
...								

2. Đề nghị Trung tâm lưu ký chứng khoán tiếp tục phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương theo Mục 1 nêu trên cho đến ngày.....(Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất việc thanh toán tiền mua lại trái phiếu chính quyền địa phương cho chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương. Sau khi Sở Giao dịch chứng khoán thông báo việc hủy niêm yết trái phiếu chính quyền địa phương, đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam rút lưu ký, hủy đăng ký trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 5. Mẫu thông báo kết quả đấu thầu mua lại công cụ nợ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v thông báo kết quả đấu thầu mua lại công cụ nợ

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi:
..... (chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ)
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả đấu thầu mua lại công cụ nợ ngày... tháng... năm... như sau:

1. Các công cụ nợ đã trúng thầu bán lại:

Thông tin về công cụ nợ trúng thầu bán lại	Thông tin về việc phong tỏa công cụ nợ					
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Tài khoản lưu ký công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ sở hữu	Khối lượng công cụ nợ trúng thầu đề nghị phong tỏa	Ghi chú (*)
I. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A				
	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

(*) Ghi rõ công cụ nợ thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị đăng ký đấu thầu bán lại cho khách hàng.

2. Đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán thực hiện phong tỏa công cụ nợ theo Mục 1 nêu trên đến ngày... (chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ) thanh toán tiền mua lại công cụ nợ. Sau khi Sở Giao dịch chứng khoán thông báo việc hủy niêm yết công cụ nợ, đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam rút lưu ký, hủy đăng ký công cụ nợ theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,....

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 6. Xác định lãi suất trúng thầu và phân bổ khối lượng trúng thầu khi tổ chức đấu thầu mua lại

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

1. Tổ chức đấu thầu theo hình thức cạnh tranh lãi suất

Ví dụ: Trường hợp Kho bạc Nhà nước công bố mua lại 1.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 4,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
	A	5,00%	150	150	150	4,65%
	A	4,95%	100	250	100	4,65%
3	A	4,85%	100	350	100	4,65%
4	B	4,80%	200	550	200	4,65%
5	D	4,75%	200	750	200	4,65%
6	D	4,70%	200	950	200	4,65%
7	B	4,65%	100	1.050	50	4,65%
8	B	4,45%	100	1.150	-	
9	C	4,40%	200	1.350	-	
10	D	4,30%	200	1.550	-	
11	F	4,25%	200	1.750	-	
12	C	4,25%	300	2.050	-	
13	D	4,2%	200	2.250	-	
14	D	4,20%	200	2.450	-	
15	E	4,20%	50	2.500	-	
16	B	4,15%	100	2.600	-	
17	G	4,15%	100	2.700	-	
18	H	4,10%	200	2.900	-	
Tổng			**2.900**		**1.000**	

- Lãi suất trúng thầu bằng 4,65%/năm, là mức lãi suất dự thầu thấp nhất, áp dụng chung cho các nhà đầu tư tham gia đấu thầu và được chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ

mua lại tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu.

- Khối lượng dự thầu cộng dồn cạnh tranh lãi suất tại các mức lãi suất cao hơn 4,65%/năm là 950 tỷ đồng, do vậy phần dư còn lại 50 tỷ đồng so với khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu 4,65%/năm theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Do vậy, nhà đầu tư B được phân bổ 50/100 tỷ đồng dự thầu tại mức lãi suất 4,65%/năm.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
1	A	5,00%	150	150	150	5,00%
2	A	4,95%	100	250	100	4,95%
3	A	4,85%	100	350	100	4,85%
4	B	4,80%	200	550	200	4,80%
5	D	4,75%	200	750	200	4,75%
6	D	4,70%	200	950	200	4,70%
7	B	4,65%	100	1.050	50	4,65%
8	B	4,45%	100	1.150	-	
9	C	4,40%	200	1.350	-	
10	D	4,30%	200	1.550	-	
11	F	4,25%	200	1.750	-	
12	C	4,25%	300	2.050	-	
13	D	4,2%	200	2.250	-	
14	D	4,20%	200	2.450	-	
15	E	4,20%	50	2.500	-	
16	B	4,15%	100	2.600	-	
17	G	4,15%	100	2.700	-	
18	H	4,10%	200	2.900	-	
Tổng			**2.900**		**1.000**	

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư tham gia đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính

quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ mua lại tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất không vượt quá khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu.

Do vậy, các mức lãi suất trúng thầu từ 5,00%/năm đến 4,65%/năm. Tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất là 4,65%/năm, nhà đầu tư B được phân bổ 50 tỷ đồng/ 100 tỷ đồng dự thầu.

- Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu bằng 5,312%, cụ thể như sau:

$$\frac{150 \times 5{,}00\% + 100 \times 4{,}95\% + 100 \times 4{,}85\% + 200 \times 4{,}80\% + 200 \times 4{,}75\% + 200 \times 4{,}70\% + 50 \times 4{,}65\%}{1.000} = 4{,}813\%$$

2. Đấu thầu theo hình thức cạnh tranh lãi suất kết hợp không cạnh tranh lãi suất

Trường hợp Kho bạc Nhà nước công bố mua lại 1.000 tỷ đồng, khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 4,5%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	4,70%
2	B		100	200	100	4,70%
3	D		100	300	100	4,70%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			**300**		**300**	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	5,00%	100	100	100	4,70%
2	A	4,95%	100	200	100	4,70%
3	B	4,85%	100	300	100	4,70%
4	D	4,80%	200	500	200	4,70%
5	C	4,75%	100	600	100	4,70%
6	B	4,70%	100	700	100	4,70%
7	B	4,65%	100	800	-	
8	D	4,45%	200	1.000	-	
9	F	4,40%	200	1.200	-	

10	c	4,30%	300	1.500	-	
11	D	4,25%	200	1.700	-	
12	D	4,25%	200	1.900	-	
13	E	4,2%	50	1.950	-	
14	G	4,20%	100	2.050	-	
15	H	4,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			**2.250**		**700**	

- Khối lượng trái phiếu Chính phủ mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu thấp nhất, áp dụng chung cho các nhà đầu tư tham gia đấu thầu và được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu trừ đi khối lượng mua lại từ nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định bằng 4,70%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất bằng với lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất là 4,70%/năm.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	4,83%
2	B		100	200	100	4,83%
3	D		100	300	100	4,83%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			**300**		**300**	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	5,00%	100	100	100	5,00%
2	A	4,95%	100	200	100	4,95%
3	B	4,85%	100	300	100	4,85%

4	D	4,80%	200	500	200	4,80%
5	B	4,75%	100	600	100	4,75%
6	C	4,70%	100	700	100	4,70%
7	B	4,65%	100	800	-	
8	D	4,45%	200	1.000	-	
9	F	4,40%	200	1.200	-	
10	C	4,30%	300	1.500	-	
11	D	4,25%	200	1.700	-	
12	D	4,25%	200	1.900	-	
13	E	4,2%	50	1.950	-	
14	G	4,20%	100	2.050	-	
15	H	4,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			**2.250**		**700**	

- Khối lượng trái phiếu Chính phủ mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư tham gia đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu trừ đi khối lượng mua lại từ nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định từ 5,00%/năm đến 4,70%/năm. Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất bằng:

$$\frac{100 \times 5{,}00\% + 100 \times 4{,}95\% + 100 \times 4{,}85\% + 200 \times 4{,}80\% + 100 \times 4{,}75\% + 100 \times 4{,}70\%}{700} = 4{,}836\%$$

Mức lãi suất bình quân gia quyền 4,836% này cao hơn so với khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 4,50%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất, được làm tròn xuống tới 2 chữ số thập phân. Như vậy, mức lãi suất trúng thầu của các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất là 4,83%/năm.

Phụ lục 7. Mẫu đơn đăng ký hoán đổi công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

TÊN ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: V/v đăng ký hoán đổi công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi:.....(chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ)

1. Tên đầy đủ của chủ sở hữu công cụ nợ:

2. Tên giao dịch (nếu có):

3. Điện thoại: Fax:

4. Nơi mở tài khoản lưu ký công cụ nợ:

5. Số tài khoản lưu ký công cụ nợ:

6. Căn cứ vào thông báo hoán đổi công cụ nợ số... ngày... của..... (chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ), chúng tôi đăng ký hoán đổi công cụ nợ như sau:

Mã công cụ nợ bị hoán đổi	Khối lượng đăng ký hoán đổi	Lãi suất chiết khấu áp dụng với mã công cụ nợ bị hoán đổi	Mã công cụ nợ được hoán đổi	Lãi suất chiết khấu áp dụng với mã công cụ nợ được hoán đổi

7. Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin tại đơn đăng ký này.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 8. Mẫu thông báo phong tỏa công cụ nợ đăng ký hoán đổi theo phương thức thỏa thuận

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Mục 1. Mẫu thông báo phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ đăng ký hoán đổi theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Số:
V/v thông báo phong tỏa công cụ nợ Chính phủ đăng ký hoán đổi theo phương thức thỏa thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ danh sách đăng ký hoán đổi của chủ sở hữu công cụ nợ của Chính phủ, Kho bạc Nhà nước đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phong tỏa số công cụ nợ của Chính phủ đăng ký hoán đổi (công cụ nợ bị hoán đổi) từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...., cụ thể như sau:

Thông tin về công cụ nợ của Chính phủ đăng ký hoán đổi	Thông tin về việc phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ đăng ký hoán đổi					
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Số tài khoản lưu ký công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ sở hữu	Khối lượng công cụ nợ đăng ký hoán đổi đề nghị phong tỏa	Đơn vị đại diện thỏa thuận hoán đổi (*)
I. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A				
	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

(*) Ghi rõ công cụ nợ thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị thỏa thuận hoán đổi cho khách hàng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu thông báo phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký hoán đổi theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh)

TÊN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH

Số:
V/v thông báo phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký hoán đổi theo phương thức thỏa thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ danh sách đăng ký hoán đổi của chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh,..... (tên ngân hàng chính sách) đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký hoán đổi (trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh bị hoán đổi) từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...., cụ thể như sau:

Thông tin về trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký hoán đổi	Thông tin về việc phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký hoán đổi					
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Số tài khoản lưu ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh sở hữu	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký hoán đổi đề nghị phong tỏa	Đơn vị đại diện thỏa thuận hoán đổi (*)
I. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A				
	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

(*) Ghi rõ công cụ nợ thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị thỏa thuận hoán đổi cho khách hàng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Mục 3. Mẫu thông báo phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký hoán đổi theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v thông báo phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký hoán đổi theo phương thức thỏa thuận	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ danh sách đăng ký hoán đổi của chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương,..... (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố thuộc Trung ương) đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phong tỏa số trái phiếu chính quyền địa phương (trái phiếu chính quyền địa phương bị hoán đổi) đăng ký hoán đổi từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...., cụ thể như sau:

Thông tin về trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký hoán đổi	Thông tin về việc phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký hoán đổi					
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương	Số tài khoản lưu ký trái phiếu chính quyền địa phương	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương sở hữu	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký hoán đổi đề nghị phong tỏa	Đơn vị đại diện thỏa thuận hoán đổi (*)
I. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A				
	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

(*) Ghi rõ công cụ nợ thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị thỏa thuận hoán đổi cho khách hàng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 9. Mẫu hợp đồng hoán đổi công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận giữa chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ và chủ sở hữu công cụ nợ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Mục 1. Mẫu hợp đồng hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ CỦA CHÍNH PHỦ

Số:... /HĐ

- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành công cụ nợ, công cụ nợ được Chính phủ bảo lãi và trái phiếu chính quyền địa phương;

- Căn cứ Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước;

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Bên phát hành công cụ nợ của Chính phủ (sau đây gọi là Bên A)

- Tên tổ chức phát hành công cụ nợ của Chính phủ: Kho bạc Nhà nước

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Bên chủ sở công cụ nợ của Chính phủ (sau đây gọi là Bên B)

- Tên tổ chức chủ sở hữu công cụ nợ:

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ với các nội dung sau đây:

Điều 1. Kết quả hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ

Bên A và Bên B thống nhất hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ với các điều khoản như sau:

Điều khoản, điệu kiện của công cụ nợ của Chính phủ thống nhất bị hoán đổi							Điều khoản, điệu kiện của công cụ nợ của Chính phủ thống nhất được hoán đổi							Ngày hoán đổi công cụ nợ
Mã công cụ nợ	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi	Lãi suất chiết khấu	Khối lượng	Mã công cụ nợ	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi	Lãi suất chiết khấu	Khối lượng	

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

Thực hiện hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ theo Điều 1 Hợp đồng này và quy định tại Điều 14 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

2. Trách nhiệm của bên chủ sở hữu công cụ nợ của Chính phủ:

Hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ đã được thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này.

Điều 3. Công cụ nợ bị hoán đổi thực hiện hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

Công cụ nợ được hoán đổi thực hiện đăng ký, lưu ký, niêm yết theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU/ TỔ CHỨC ĐƯỢC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU ỦY QUYỀN	**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mục 2. Mẫu hợp đồng hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HOÁN ĐỔI TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
Số:... /HĐ

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước;

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Bên phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi là Bên A)

- Tên tổ chức phát hành công cụ nợ:..... (tên ngân hàng chính sách)

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Bên chủ sở trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi là Bên B)

- Tên tổ chức chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh:

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh với các nội dung sau đây:

Điều 1. Kết quả hoán đổi công cụ nợ

Bên A và Bên B thống nhất hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh với các điều khoản như sau:

Điều khoản, điều kiện của trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thống nhất bị hoán đổi							Điều khoản, điều kiện của trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thống nhất được hoán đổi							Ngày hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi	Lãi suất chiết khấu	Khối lượng	Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi	Lãi suất chiết khấu	Khối lượng	

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của..... (tên ngân hàng chính sách)

Thực hiện hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo Điều 1 Hợp đồng này và quy định tại Điều 14 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

2. Trách nhiệm của bên chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh:

Hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đã được thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này.

Điều 3. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh bị hoán đổi thực hiện hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được hoán đổi thực hiện đăng ký, lưu ký, niêm yết theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU/ TỔ CHỨC ĐƯỢC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU ỦY QUYỀN	**TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mục 3. Mẫu hợp đồng hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HOÁN ĐỔI TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
Số:.../HĐ

- Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của Chính quyền địa phương;

- Căn cứ Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước;

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Bên phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi là Bên A)

- Tên tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương:..... (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố thuộc Trung ương)

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Bên chủ sở trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi là Bên B)

- Tên tổ chức chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương:

- Địa chỉ:

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương với các nội dung sau đây:

Điều 1. Kết quả hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương

Bên A và Bên B thống nhất hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương với các điều khoản như sau:

Điều khoản, điều kiện của trái phiếu chính quyền địa phương thống nhất bị hoán đổi							Điều khoản, điều kiện của trái phiếu chính quyền địa phương thống nhất được hoán đổi							Ngày hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương
Mã trái phiếu chính quyền địa phương	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi	Lãi suất chiết khấu	Khối lượng	Mã trái phiếu chính quyền địa phương	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Phương thức thanh toán gốc, lãi	Lãi suất chiết khấu	Khối lượng	

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của..... (chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ)

Thực hiện hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương theo Điều 1 Hợp đồng này và quy định tại Điều 14 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

2. Trách nhiệm của bên chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương:

Hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương đã được thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này.

Điều 3. Trái phiếu chính quyền địa phương bị hoán đổi thực hiện hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

Trái phiếu chính quyền địa phương được hoán đổi thực hiện đăng ký, lưu ký, niêm yết theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU/ TỔ CHỨC ĐƯỢC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU ỦY QUYỀN	**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 10. Mẫu thông báo kết quả hoán đổi công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Mục 1. Mẫu thông báo kết quả hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v thông kết quả hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ theo phương thức thỏa thuận	*... Hà Nội, ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ hợp đồng thỏa thuận hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ số.... ngày... tháng... năm..., Kho bạc Nhà nước đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tiếp tục phong tỏa số công cụ nợ của Chính phủ bị hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi, ngừng phong tỏa số công cụ nợ của Chính phủ bị hoán đổi không thống nhất hoán đổi và đăng ký lưu ký công cụ nợ của Chính phủ được hoán đổi cụ thể như sau:

1. Khối lượng công cụ nợ của Chính phủ bị hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi đề nghị tiếp tục phong tỏa và khối lượng công cụ nợ bị của Chính phủ không thống nhất hoán đổi đề nghị ngừng phong tỏa như sau:

Thông tin về công cụ nợ của Chính phủ đăng ký hoán đổi	Thông tin về việc tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ						
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Số tài khoản lưu ký công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ sở hữu	Khối lượng công cụ nợ đăng ký hoán đổi đã đề nghị phong tỏa	Đề nghị tiếp tục phong tỏa/ ngừng phong tỏa công cụ nợ	
						Khối lượng công cụ nợ đề nghị tiếp tục phong tỏa	Khối lượng công cụ nợ đề nghị ngừng phong tỏa
I. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A					
	2	B					
	3	C					
	...						
	Tổng cộng						

II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G						
	2	H						
	3	K						
	...							
	Tổng cộng							
...								

2. Khối lượng công cụ nợ của Chính phủ được hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi đề nghị đăng ký, lưu ký như sau:

Thông tin về công cụ nợ của Chính phủ được hoán đổi trúng thầu	Thông tin về việc đăng ký, lưu ký công cụ nợ của Chính phủ				
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Số tài khoản lưu ký công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi đề nghị đăng ký, lưu ký	Ghi chú (*)
I. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A			
	2	B			
	3	C			
	...				
	Tổng cộng				
II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G			
	2	H			
	3	K			
	...				
	Tổng cộng				
...					

3. Đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán tiếp tục thực hiện phong tỏa công cụ nợ của Chính phủ theo Mục 1 nêu trên đến ngày.....(ngày hoán đổi theo hợp đồng đã ký). Vào ngày hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, sau khi có thông báo của Sở Giao dịch chứng khoán về việc hủy niêm yết công cụ nợ, đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam ngừng phong tỏa rút lưu ký, hủy đăng ký công cụ nợ bị hoán đổi đang thực hiện phong tỏa theo quy định và thực hiện đăng ký, lưu ký công cụ nợ được hoán đổi tương ứng theo Mục 2 nêu trên.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu thông báo kết quả hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh)

TÊN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH

Số:
V/v thông kết quả hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo phương thức thỏa thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ hợp đồng thỏa thuận hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh số.... ngày... tháng... năm...,..... (tên ngân hàng chính sách) đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tiếp tục phong tỏa số trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh bị hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi, ngừng phong tỏa số trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh bị hoán đổi không thống nhất hoán đổi và đăng ký lưu ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được hoán đổi cụ thể như sau:

1. Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh bị hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi đề nghị tiếp tục phong tỏa và khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không thống nhất hoán đổi đề nghị ngừng phong tỏa như sau:

Thông tin về trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký hoán đổi	Thông tin về việc tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh						
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Số tài khoản lưu ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh sở hữu	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đăng ký hoán đổi đã đề nghị phong tỏa	Đề nghị tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	
						Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đề nghị tiếp tục phong tỏa	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đề nghị ngừng phong tỏa
I. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A					
	2	B					
	3	C					
	...						
	Tổng cộng						

II. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G					
	2	H					
	3	K					
	...						
	Tổng cộng						
...							

2. Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi đề nghị đăng ký, lưu ký như sau:

Thông tin về trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được hoán đổi trúng thầu	Thông tin về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh				
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Số tài khoản lưu ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được hoán đổi đề nghị đăng ký, lưu ký	Ghi chú (*)
I. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A			
	2	B			
	3	C			
	...				
	Tổng cộng				
II. Mã trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G			
	2	H			
	3	K			
	...				
	Tổng cộng				
...					

3. Đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán tiếp tục thực hiện phong tỏa trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo Mục 1 nêu trên đến ngày..... (ngày hoán đổi theo hợp đồng đã ký). Vào ngày hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, sau khi có thông báo của Sở Giao dịch chứng khoán về việc hủy niêm yết trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam ngừng phong tỏa rút lưu ký, hủy đăng ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh bị hoán đổi đang thực hiện phong tỏa theo quy định và thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được hoán đổi tương ứng theo Mục 2 nêu trên.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Mục 3. Mẫu thông báo kết quả hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương theo phương thức thỏa thuận

(Áp dụng đối với hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v thông báo kết quả hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương theo phương thức thỏa thuận	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ hợp đồng thỏa thuận hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương số.... ngày... tháng... năm...,.... (chủ thể tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương) đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tiếp tục phong tỏa số trái phiếu chính quyền địa phương bị hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi, ngừng phong tỏa số trái phiếu chính quyền địa phương bị hoán đổi không thống nhất hoán đổi và đăng ký lưu ký trái phiếu chính quyền địa phương được hoán đổi cụ thể như sau:

1. Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương bị hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi đề nghị tiếp tục phong tỏa và khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương không thống nhất hoán đổi đề nghị ngừng phong tỏa như sau:

Thông tin về trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký hoán đổi	Thông tin về việc tiếp tục phong tỏa/ngừng phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương						
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương	Số tài khoản lưu ký trái phiếu chính quyền địa phương	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương sở hữu	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đăng ký hoán đổi đã đề nghị phong tỏa	Đề nghị tiếp tục phong tỏa/ ngừng phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương	
						Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đề nghị tiếp tục phong tỏa	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương đề nghị ngừng phong tỏa
I. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A					
	2	B					
	3	C					
	...						
	Tổng cộng						

II. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành đầu tiên: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G					
	2	H					
	3	K					
	...						
	Tổng cộng						
...							

2. Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương được hoán đổi đã ký hợp đồng hoán đổi đề nghị đăng ký, lưu ký như sau:

Thông tin về trái phiếu chính quyền địa phương được hoán đổi trúng thầu	Thông tin về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu chính quyền địa phương				
	TT	Chủ sở hữu trái phiếu chính quyền địa phương	Số tài khoản lưu ký trái phiếu chính quyền địa phương	Khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương được hoán đổi đề nghị đăng ký, lưu ký	Ghi chú (*)
I. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A			
	2	B			
	3	C			
	...				
	Tổng cộng				
II. Mã trái phiếu chính quyền địa phương: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G			
	2	H			
	3	K			
	...				
	Tổng cộng				
...					

3. Đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán tiếp tục thực hiện phong tỏa trái phiếu chính quyền địa phương theo Mục 1 nêu trên đến ngày..... (ngày hoán đổi theo hợp đồng đã ký). Vào ngày hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương, sau khi có thông báo của Sở Giao dịch chứng khoán về việc hủy niêm yết trái phiếu chính quyền địa phương, đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam ngừng phong tỏa rút lưu ký, hủy đăng ký trái phiếu chính quyền địa phương bị hoán đổi đang thực hiện phong tỏa theo quy định và thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu chính quyền địa phương được hoán đổi tương ứng theo Mục 2 nêu trên.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCK (để theo dõi);
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 11. Mẫu thông báo kết quả đấu thầu hoán đổi công cụ nợ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: V/v thông báo phong tỏa công cụ nợ đăng ký hoán đổi	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi:

.....(Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ)

Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả đấu thầu hoán đổi công cụ nợ ngày... tháng... năm như sau:

1. Các công cụ nợ bị hoán đổi đã trúng thầu:

Thông tin về công cụ nợ bị hoán đổi trúng thầu	Thông tin về việc phong tỏa công cụ nợ					
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Số tài khoản lưu ký công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ sở hữu	Khối lượng công cụ nợ trúng thầu hoán đổi đề nghị phong tỏa	Ghi chú (*)
I. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	A				
	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

(*) Ghi rõ công cụ nợ thuộc sở hữu của đơn vị hay đơn vị đăng ký đấu thầu hoán đổi cho khách hàng.

2. Các công cụ nợ được hoán đổi đã trúng thầu

Thông tin về công cụ nợ được hoán đổi trúng thầu	Thông tin về việc đăng ký, lưu ký công cụ nợ					
	TT	Chủ sở hữu công cụ nợ	Số tài khoản lưu ký công cụ nợ	Khối lượng công cụ nợ sở hữu	Khối lượng công cụ nợ trúng thầu hoán đổi đề nghị đăng ký, lưu ký	Ghi chú (*)
I. Mã công cụ nợ:	1	A				

- Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	2	B				
	3	C				
	...					
	Tổng cộng					
II. Mã công cụ nợ: - Ngày phát hành lần đầu: - Ngày đáo hạn: - Lãi suất danh nghĩa: - Phương thức thanh toán gốc, lãi	1	G				
	2	H				
	3	K				
	...					
	Tổng cộng					
...						

3. Đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán thực hiện phong tỏa công cụ nợ theo Mục 1 nêu trên đến ngày hoán đổi công cụ nợ theo thông báo của..... (chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ). Sau khi Sở Giao dịch chứng khoán thông báo việc hủy niêm yết công cụ nợ, đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam rút lưu ký công cụ nợ bị hoán đổi đang thực hiện phong tỏa theo quy định. Đồng thời đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán thực hiện đăng ký, lưu ký công cụ nợ được hoán đổi tương ứng theo Mục 2 nêu trên.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,....

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 12. Xác định lãi suất trúng thầu, lãi xuất danh nghĩa và phân bổ khối lượng công cụ nợ được hoán đổi trúng thầu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

1. Tổ chức đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi theo hình thức cạnh tranh lãi suất

Ví dụ: Trường hợp Kho bạc Nhà nước công bố đấu thầu 1.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi, khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 5,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
1	A	5,15%	150	150	150	5,49%
2	A	5,20%	100	250	100	5,49%
3	A	5,25%	100	350	100	5,49%
4	B	5,35%	200	550	200	5,49%
5	D	5,35%	200	750	200	5,49%
6	D	5,40%	200	950	200	5,49%
7	B	5,49%	100	1.050	50	5,49%
8	B	5,50%	100	1.150	-	
9	C	5,50%	200	1.350	-	
10	D	5,50%	200	1.550	-	
11	F	5,50%	200	1.750	-	
12	C	5,60%	300	2.050	-	
13	D	5,60%	200	2.250	-	
14	D	5,70%	200	2.450	-	
15	E	5,70%	50	2.500	-	
16	B	6,00%	100	2.600	-	
17	G	6,00%	100	2.700	-	
18	H	6,20%	200	2.900	-	
Tổng			**2.900**		**1.000**	

- Lãi suất trúng thầu bằng 5,49%/năm, là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho các nhà đầu tư tham gia đấu thầu và được chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi gọi thầu.

- Khối lượng dự thầu cộng dồn cạnh tranh lãi suất tại các mức lãi suất thấp hơn 5,49%/năm là 950 tỷ đồng, do vậy phần dư còn lại 50 tỷ đồng so với khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu 5,49%/năm theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Do vậy, nhà đầu tư B được phân bổ 50/100 tỷ đồng dự thầu tại mức lãi suất 5,49%/năm.

- Trường hợp trái phiếu Chính phủ được hoán đổi là trái phiếu phát hành lần đầu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu Chính phủ:

+ Là lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu Chính phủ sẽ được xác định là 5,40%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
1	A	5,15%	150	150	150	5,15%
2	A	5,20%	100	250	100	5,20%
3	A	5,25%	100	350	100	5,25%
4	B	5,35%	200	550	200	5,35%
5	D	5,35%	200	750	200	5,35%
6	D	5,40%	200	950	200	5,40%
7	B	5,49%	100	1.050	50	5,49%
8	B	5,50%	100	1.150	-	
9	c	5,50%	200	1.350	-	
10	D	5,50%	200	1.550	-	
11	F	5,50%	200	1.750	-	

12	C	5,60%	300	2.050	-	
13	D	5,60%	200	2.250	-	
14	D	5,70%	200	2.450	-	
15	E	5,70%	50	2.500	-	
16	B	6,00%	100	2.600	-	
17	G	6,00%	100	2.700	-	
18	H	6,20%	200	2.900	-	
Tổng			**2.900**		**1.000**	

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư tham gia đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi gọi thầu.

Do vậy, các mức lãi suất trúng thầu từ 5,15%/năm đến 5,49%/năm. Tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất là 5,49%/năm, nhà đầu tư B được phân bổ 50 tỷ đồng/100 tỷ đồng dự thầu.

- Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu bằng 5,312%, cụ thể như sau:

$$\frac{150 \times 5{,}15\% + 100 \times 5{,}20\% + 100 \times 5{,}25\% + 200 \times 5{,}35\% + 50 \times 5{,}49\% + 200 \times 5{,}35\% + 200 \times 5{,}40\%}{1.000} = 5{,}312\%$$

- Trường hợp trái phiếu Chính phủ được hoán đổi là trái phiếu phát hành lần đầu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu Chính phủ:

+ Là bình quân gia quyền các mức lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ áp dụng đối với các nhà đầu tư trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu Chính phủ sẽ được xác định là 5,30%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

2. Tổ chức đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi theo hình thức cạnh tranh lãi suất kết hợp không cạnh tranh lãi suất

Trường hợp Kho bạc Nhà nước công bố đầu thầu 1.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi, khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 5,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	5,49%
2	B		100	200	100	5,49%
3	D		100	300	100	5,49%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			**300**		**300**	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	5,20%	100	100	100	5,49%
2	A	5,30%	100	200	100	5,49%
3	B	5,35%	100	300	100	5,49%
4	D	5,45%	200	500	200	5,49%
5	C	5,47%	100	600	100	5,49%
6	B	5,49%	100	700	100	5,49%
7	B	5,55%	100	800	-	
8	D	5,55%	200	1.000	-	
9	F	5,55%	200	1.200	-	
10	c	5,60%	300	1.500	-	
11	D	5,60%	200	1.700	-	
12	D	5,70%	200	1.900	-	
13	E	5,70%	50	1.950	-	
14	G	6,00%	100	2.050	-	
15	H	6,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			**2.250**		**700**	

- Khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho các nhà đầu tư tham gia đấu thầu và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi

suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi cho các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu trừ đi khối lượng phát hành cho nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định bằng 5,49%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất bằng với lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất là 5,49%/năm.

- Trường hợp trái phiếu Chính phủ được hoán đổi là trái phiếu phát hành lần đầu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu Chính phủ:

+ Là lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu Chính phủ sẽ được xác định là 5,40%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	5,38%
2	B		100	200	100	5,38%
3	D		100	300	100	5,38%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			**300**		**300**	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	5,20%	100	100	100	5,20%
2	A	5,25%	100	200	100	5,25%
3	B	5,35%	100	300	100	5,35%
4	D	5,45%	200	500	200	5,45%
5	B	5,50%	100	600	100	5,50%
6	C	5,50%	100	700	100	5,50%
7	B	5,55%	100	800	-	
8	D	5,55%	200	1.000	-	

9	F	5,55%	200	1.200	-	
10	C	5,60%	300	1.500	-	
11	D	5,60%	200	1.700	-	
12	D	5,70%	200	1.900	-	
13	E	5,70%	50	1.950	-	
14	G	6,00%	100	2.050	-	
15	H	6,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			**2.250**		**700**	

- Khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư tham gia đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi cho các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu trừ đi khối lượng trái phiếu Chính phủ được hoán đổi cho nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định từ 5,20%/năm đến 5,50%/năm. Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất bằng:

$$\frac{100 \times 5{,}20\% + 100 \times 5{,}25\% + 100 \times 5{,}35\% + 200 \times 5{,}45\% + 100 \times 5{,}50\% + 100 \times 5{,}50\%}{700} = 5{,}386\%$$

Mức lãi suất bình quân gia quyền 5,386% này thấp hơn so với khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 5,50%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất, được làm tròn xuống tới 2 chữ số thập phân. Như vậy, mức lãi suất trúng thầu của các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất là 5,38%/năm.

- Trường hợp trái phiếu Chính phủ được hoán đổi là trái phiếu được phát hành lần đầu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu Chính phủ:

+ Là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ áp dụng đối với các nhà đầu tư trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu Chính phủ sẽ được xác định là 5,30%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

Phụ lục 13. Xác định lãi suất trúng thầu và phân bổ khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi trúng thầu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

1. Tổ chức đấu thầu theo hình thức cạnh tranh lãi suất

Ví dụ: Trường hợp Kho bạc Nhà nước công bố đấu thầu hoán đổi 1.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ bị hoán đổi, khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 4,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
1	A	5,00%	150	150	150	4,65%
2	A	4,95%	100	250	100	4,65%
3	A	4,85%	100	350	100	4,65%
4	B	4,80%	200	550	200	4,65%
5	D	4,75%	200	750	200	4,65%
6	D	4,70%	200	950	200	4,65%
7	B	4,65%	100	1.050	50	4,65%
8	B	4,45%	100	1.150	-	
9	C	4,40%	200	1.350	-	
10	D	4,30%	200	1.550	-	
11	F	4,25%	200	1.750	-	
12	C	4,25%	300	2.050	-	
13	D	4,2%	200	2.250	-	
14	D	4,20%	200	2.450	-	
15	E	4,20%	50	2.500	-	
16	B	4,15%	100	2.600	-	
17	G	4,15%	100	2.700	-	
18	H	4,10%	200	2.900	-	
Tổng			**2.900**		**1.000**	

- Lãi suất trúng thầu bằng 4,65%/năm, là mức lãi suất dự thầu thấp nhất, áp dụng chung cho các nhà đầu tư tham gia đấu thầu và được chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong

khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ bị hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu.

- Khối lượng dự thầu cộng dồn cạnh tranh lãi suất tại các mức lãi suất cao hơn 4,65%/năm là 950 tỷ đồng, do vậy phần dư còn lại 50 tỷ đồng so với khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu 4,65%/năm theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Do vậy, nhà đầu tư B được phân bổ 50/100 tỷ đồng dự thầu tại mức lãi suất 4,65%/năm.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
1	A	5,00%	150	150	150	5,00%
2	A	4,95%	100	250	100	4,95%
3	A	4,85%	100	350	100	4,85%
4	B	4,80%	200	550	200	4,80%
5	D	4,75%	200	750	200	4,75%
6	D	4,70%	200	950	200	4,70%
7	B	4,65%	100	1.050	50	4,65%
8	B	4,45%	100	1.150	-	
9	c	4,40%	200	1.350	-	
10	D	4,30%	200	1.550	-	
11	F	4,25%	200	1.750	-	
12	C	4,25%	300	2.050	-	
13	D	4,2%	200	2.250	-	
14	D	4,20%	200	2.450	-	
15	E	4,20%	50	2.500	-	
16	B	4,15%	100	2.600	-	
17	G	4,15%	100	2.700	-	
18	H	4,10%	200	2.900	-	
Tổng			**2.900**		**1.000**	

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư tham gia đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ bị hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất không vượt quá khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu.

Do vậy, các mức lãi suất trúng thầu từ 5,00%/năm đến 4,65%/năm. Tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất là 4,65%/năm, nhà đầu tư B được phân bổ 50 tỷ đồng/ 100 tỷ đồng dự thầu.

- Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu bằng 5,312%, cụ thể như sau:

$$\frac{150 \times 5{,}00\% + 100 \times 4{,}95\% + 100 \times 4{,}85\% + 200 \times 4{,}80\% + 200 \times 4{,}75\% + 200 \times 4{,}70\% + 50 \times 4{,}65\%}{1.000} = 4{,}813\%$$

2. Đấu thầu theo hình thức cạnh tranh lãi suất kết hợp không cạnh tranh lãi suất

Trường hợp Kho bạc Nhà nước công bố đấu thầu hoán đổi 1.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ bị hoán đổi, khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 4,5%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	4,70%
2	B		100	200	100	4,70%
3	D		100	300	100	4,70%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			**300**		**300**	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	5,00%	100	100	100	4,70%
2	A	4,95%	100	200	100	4,70%
3	B	4,85%	100	300	100	4,70%

4	D	4,80%	200	500	200	4,70%
5	C	4,75%	100	600	100	4,70%
6	B	4,70%	100	700	100	4,70%
7	B	4,65%	100	800	-	
8	D	4,45%	200	1.000	-	
9	F	4,40%	200	1.200	-	
10	C	4,30%	300	1.500	-	
11	D	4,25%	200	1.700	-	
12	D	4,25%	200	1.900	-	
13	E	4,2%	50	1.950	-	
14	G	4,20%	100	2.050	-	
15	H	4,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			**2.250**		**700**	

- Khối lượng trái phiếu Chính phủ bị hoán đổi nhận lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu thấp nhất, áp dụng chung cho các nhà đầu tư tham gia đấu thầu và được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ bị hoán đổi nhận lại từ các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu trừ đi khối lượng trái phiếu Chính phủ bị hoán đổi nhận lại từ nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định bằng 4,70%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất bằng với lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất là 4,70%/năm.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	4,83%

2	B		100	200	100	4,83%
3	D		100	300	100	4,83%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			**300**		**300**	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	5,00%	100	100	100	5,00%
2	A	4,95%	100	200	100	4,95%
3	B	4,85%	100	300	100	4,85%
4	D	4,80%	200	500	200	4,80%
5	B	4,75%	100	600	100	4,75%
6	C	4,70%	100	700	100	4,70%
7	B	4,65%	100	800	-	
8	D	4,45%	200	1.000	-	
9	F	4,40%	200	1.200	-	
10	C	4,30%	300	1.500	-	
11	D	4,25%	200	1.700	-	
12	D	4,25%	200	1.900	-	
13	E	4,2%	50	1.950	-	
14	G	4,20%	100	2.050	-	
15	H	4,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			**2.250**		**700**	

- Khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư tham gia đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu Chính phủ mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu Chính phủ gọi thầu trừ đi khối lượng mua lại từ nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu

được xác định từ 5,00%/năm đến 4,70%/năm. Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất bằng:

$$\frac{100 \times 5{,}00\% + 100 \times 4{,}95\% + 100 \times 4{,}85\% + 200 \times 4{,}80\% + 100 \times 4{,}75\% + 100 \times 4{,}70\%}{700} = 4{,}836\%$$

Mức lãi suất bình quân gia quyền 4,836% này cao hơn so với khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 4,50%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất, được làm tròn xuống tới 2 chữ số thập phân. Như vậy, mức lãi suất trúng thầu của các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất là 4,83%/năm.